

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh
đối với sinh viên khoá 25 đạt chuẩn đầu ra các học phần tiếng Anh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học;

Căn cứ Quyết định số 181-CP ngày 17 tháng 9 năm 1969 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiến trúc;

Căn cứ Quyết định số 1436/QĐ-BXD ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy định giảng dạy và học ngoại ngữ của các Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ban hành kèm theo Quyết định số 379/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 24/08/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Quy định giảng dạy và học Tiếng Anh của các Chương trình đào tạo thuộc Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế ban hành kèm theo Quyết định số 41/QĐ-ĐHKT-VĐTHQT ngày 05/05/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Căn cứ Kết quả thi TOEIC placement test ngày 26/10/2025 và ngày 23/11/2025 của sinh viên Khóa 25 thuộc trường Đại học Kiến trúc Hà Nội;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Thanh tra Khảo thí và ĐBCL và Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép miễn học, miễn thi các học phần tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh nâng cao (thuộc Chương trình tiên tiến ngành Kiến trúc) đối với sinh viên khoá 25 đạt chuẩn đầu ra các học phần tiếng Anh dựa trên kết quả kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu vào (TOEIC Placenment) ngày 26/10/2025 và ngày 23/11/2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Chủ tịch HĐT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS.KTS: Lê Quân

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1

ser

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
1	Nguyễn Thị Ngọc	Hue	07-10-07	2555020037	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	95	105	200	26-10-25
2	Ta Ngọc	Anh	09-02-07	2555010021	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	120	80	200	26-10-25
3	Luong Hong	Thao	26-01-07	2555010173	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	105	95	200	26-10-25
4	Lai Minh	Nghia	21-10-07	2555010135	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	140	60	200	26-10-25
5	Le Duc Anh	Tuan	16-06-07	2555010195	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	110	90	200	26-10-25
6	Vuong Thanh	Dat	29-01-07	2555010052	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	115	85	200	26-10-25
7	Le	Quang	07-06-07	2555020073	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	125	80	205	26-10-25
8	Le Xuan	Tien	30-03-07	2555010185	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	90	115	205	26-10-25
9	Nguyen Quang	Kien	11-12-06	2555010095	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	90	115	205	26-10-25
10	Tran Thi	Yen	18-06-07	2555020107	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	125	85	210	26-10-25
11	Nguyen Quang Gia	Bao	11-04-07	2555020010	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	110	100	210	26-10-25
12	Vu Hoang	Trieu	06-12-07	2555010189	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	125	85	210	26-10-25
13	Nguyen Xuan	Bao	28-04-07	2555010022	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	110	100	210	26-10-25
14	Dinh Thi Ngoc	Oanh	30-07-07	2555010147	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	85	125	210	26-10-25
15	Chu Gia	Huy	26-07-07	2555010080	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	90	120	210	26-10-25
16	Ma Anh	Tuan	10-05-07	2555010196	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	125	85	210	26-10-25
17	Chu Ngoc	Hai	29-10-07	2555030018	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	115	95	210	26-10-25
18	Nguyen Ha	An	10-10-07	2555020001	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	110	105	215	26-10-25
19	Vu Hai	Dang	30-05-07	2555010054	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	135	80	215	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

hem

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)	
						Listening	Reading	Total		
20	Ho Tran Nhat	Long	23-10-06	2555010106	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	140	75	215	26-10-25
21	Hoang Quoc	Dat	04-12-07	2555010048	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	110	105	215	26-10-25
22	Nguyen Duc	Minh	10-08-07	2555010124	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	115	100	215	26-10-25
23	Bui Duc	Hieu	01-08-07	2555030020	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	115	100	215	26-10-25
24	Nghiem Bao	Uyen	05-11-07	2555020102	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	140	80	220	26-10-25
25	Nguyen Gia	Bao	18-07-07	2555010023	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	140	80	220	26-10-25
26	Nguyen Trong	Dich	15-11-07	2555010055	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	140	80	220	26-10-25
27	Tran Thi Kim	Oanh	03-11-07	2555010148	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	140	80	220	26-10-25
28	Le Hong	Duc	29-01-07	2555020027	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	105	120	225	26-10-25
29	Nguyen Thi	Thanh	13-11-07	2555020082	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	135	90	225	26-10-25
30	Ho Duc Anh	Quan	22-12-07	2555010161	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	115	110	225	26-10-25
31	Pham Thanh	Tung	24-04-07	2555010201	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	145	80	225	26-10-25
32	Nguyen Tuan	Anh	03-05-07	2555010014	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	115	110	225	26-10-25
33	Do Thi Huong	Giang	25-02-07	2555010059	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	120	105	225	26-10-25
34	Hoang Duc	Manh	04-01-07	2555020056	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	140	90	230	26-10-25
35	Le Dinh	Hung	14-05-07	2555010086	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	115	115	230	26-10-25
36	Le Quang	Long	21-05-07	2555010107	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	150	80	230	26-10-25
37	Pham Van	Linh	24-09-07	2555010104	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	140	90	230	26-10-25
38	Vu Yen	Nhi	21-06-07	2555010144	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	85	145	230	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)	
						Listening	Reading	Total		
39	Phạm Hai	Dang	09-08-07	2555020025	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	150	85	235	26-10-25
40	Dao Phu	Duong	10-06-07	2555020019	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	135	100	235	26-10-25
41	Nguyen Thi Tu	Oanh	20-02-07	2555030038	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	140	95	235	26-10-25
42	Nguyen Thi Anh	Tu	06-07-07	2555020097	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	150	90	240	26-10-25
43	Nguyen Anh	Thu	20-08-07	2555020088	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	120	120	240	26-10-25
44	Nguyen Quang	Dung	22-09-07	2555010039	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	145	95	240	26-10-25
45	Nguyen Vu Gia	Bao	17-10-07	2555010024	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	165	75	240	26-10-25
46	Cao Ngoc	Hai	26-11-07	2555010060	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	125	115	240	26-10-25
47	Nguyen Xuan Tuan	Hung	06-05-07	2555030025	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	150	90	240	26-10-25
48	Chang Nam	Khanh	22-08-07	2555030026	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	175	70	245	26-10-25
49	Le Duy	Anh	07-01-07	2555020003	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	115	135	250	26-10-25
50	Nguyen Minh	Nguyet	03-05-07	2555020063	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	150	100	250	26-10-25
51	Pham Quynh	Trang	28-12-07	2555020093	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	170	80	250	26-10-25
52	Dinh Thi Thu	Huong	09-12-07	2555010090	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	150	100	250	26-10-25
53	Ngo Quang	Huy	08-05-07	2555010082	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	110	140	250	26-10-25
54	Dang Thi Minh	Anh	12-12-07	2555010004	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	110	140	250	26-10-25
55	Tran Van	Quang	26-01-07	2555010156	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	125	125	250	26-10-25
56	Tran Thai	Binh	25-10-07	2555030007	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	115	135	250	26-10-25
57	Le Quang	Minh	07-10-07	2555030031	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	150	100	250	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

Mor

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
58	Tran Viet Xuan	05-01-07	2555020105	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	145	110	255	26-10-25
59	Dinh My Duyen	14-08-07	2555020018	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	160	95	255	26-10-25
60	Nguyen Huyen Trang	03-12-07	2555020092	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	160	95	255	26-10-25
61	Le Huu Hai	20-01-07	2555010061	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	145	110	255	26-10-25
62	Nguyen Xuan Kien	27-12-07	2555010098	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	150	105	255	26-10-25
63	Dinh Thi Mai	18-05-07	2555010112	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	160	95	255	26-10-25
64	Nguyen Thi Huong Lan	01-02-07	2555030028	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	135	120	255	26-10-25
65	Nguyen Thi Ngoc Anh	16-05-07	2555020009	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	160	100	260	26-10-25
66	Hoang Ngoc Lan	05-08-07	2555020045	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	170	90	260	26-10-25
67	Luong Thi Thu Huyen	11-12-07	2555020040	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	140	120	260	26-10-25
68	Ta Khanh Hung	17-12-07	2555010089	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	140	120	260	26-10-25
69	Nguyen Duc Minh	30-09-07	2555010125	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	145	115	260	26-10-25
70	Le Hoang Viet	13-01-07	2555010203	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	140	120	260	26-10-25
71	Nguyen Duc Cuong	11-09-07	2555010032	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	115	145	260	26-10-25
72	Nguyen Viet Thanh	25-03-07	2555010172	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	145	115	260	26-10-25
73	Nguyen Thi Anh Ngoc	21-12-07	2555020062	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	145	120	265	26-10-25
74	Kieu Duy Dang Duong	13-04-07	2555010045	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	175	90	265	26-10-25
75	Nguyen Duy Khanh	09-11-07	2555010091	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	150	115	265	26-10-25
76	Le Tien Manh	21-11-07	2555010115	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	165	100	265	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Jon

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
77	Tran Van Nghia	12-09-07	2555010136	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	125	140	265	26-10-25
78	Luong Thi Yen Nhi	19-10-07	2555030035	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	175	90	265	26-10-25
79	Chu Hai Thang	19-09-07	2555030045	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	145	120	265	26-10-25
80	Duong Dinh Viet Hoang	07-07-07	2555020035	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	140	130	270	26-10-25
81	Tran Thi Thuy Dung	01-05-07	2555020014	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	175	95	270	26-10-25
82	Ho Trong Nghia	12-05-07	2555010134	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	175	95	270	26-10-25
83	Vu Minh Hieu	24-03-07	2555010071	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	145	125	270	26-10-25
84	Nguyen Tung Duong	10-12-07	2555020021	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	170	105	275	26-10-25
85	Tran Thi Thanh Huong	07-09-07	2555020041	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	120	155	275	26-10-25
86	Bui Thi Yen Nhi	16-05-07	2555010141	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	190	85	275	26-10-25
87	Nguyen Thi Ngoc Mai	06-05-07	2555010114	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	135	140	275	26-10-25
88	Nguyen Ngoc Minh	21-09-07	2555010128	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	165	110	275	26-10-25
89	Lai Minh Chau	13-01-07	2555020011	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	140	140	280	26-10-25
90	Pham Thi Phuong	22-10-07	2555020072	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	150	130	280	26-10-25
91	Le The Ngoc	27-12-07	2555010137	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	205	75	280	26-10-25
92	Than The Minh	10-08-07	2555010131	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	160	120	280	26-10-25
93	Tran Yen Nhi	18-07-07	2555010143	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	160	120	280	26-10-25
94	To Hieu Phong	30-05-07	2555010151	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	175	105	280	26-10-25
95	Nguyen Cao Minh Thuy	21-12-07	2555020084	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	145	140	285	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Long

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
96	Duong Anh Minh	29-03-07	2555010117	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	195	90	285	26-10-25
97	Nguyen Hoang Minh	12-01-07	2555010126	Khoa Công nghệ thông tin	25CN2	160	125	285	26-10-25
98	Tran Bao Linh	23-12-07	2555010027	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	170	115	285	26-10-25
99	Ha Minh Duc	13-11-07	2555010056	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	160	125	285	26-10-25
100	Nguyen Thuy Linh	06-02-07	2555020051	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	125	165	290	26-10-25
101	Tran Hieu Nghia	09-10-07	2555020061	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	190	100	290	26-10-25
102	Duong Khanh Toan	04-12-07	2555020091	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	135	155	290	26-10-25
103	Pham Hong Nhung	06-08-07	2555020066	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	165	125	290	26-10-25
104	Tao Quang Vinh	11-11-07	2555020104	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	205	85	290	26-10-25
105	Nguyen Thanh Cong	22-04-07	2555010029	Khoa Công nghệ thông tin	25CN1	195	95	290	26-10-25
106	Nguyen Thi Diu	22-07-07	2555010035	Khoa Công nghệ thông tin	25CN3	165	125	290	26-10-25
107	Nghiem Bao Viet	17-01-07	2555010204	Khoa Công nghệ thông tin	25CN4	145	145	290	26-10-25
108	Ha Hai Son Nam	06-11-07	2555030033	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	190	100	290	26-10-25
109	Nguyen Thi Hang	09-03-07	2555020030	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP2	140	155	295	26-10-25
110	Dao Ai Linh	04-05-07	2555030029	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	175	120	295	26-10-25
111	Than Dinh Duy Anh	09-02-07	2551050008	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	115	85	200	26-10-25
112	Vuong Tuan Anh	04-07-07	2551050010	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	135	65	200	26-10-25
113	To Tuan Phong	13-04-07	2554010032	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	135	65	200	26-10-25
114	Nguyen Duc Sang	04-10-07	2554010035	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	115	85	200	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Jan

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
115	Nguyen Trang	Anh	16-01-07	2551050006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	110	95	205	26-10-25
116	Dam Diep An	Thu	12-12-07	2554010038	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	105	100	205	26-10-25
117	Tran Ha	Nam	04-11-07	2551060020	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	100	105	205	26-10-25
118	Pham Van	Dat	10-07-02	2556010013	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	120	85	205	26-10-25
119	Nguyen Dinh	Manh	30-09-07	2556010030	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	120	85	205	26-10-25
120	Nguyen Anh	Phong	27-12-07	2556010037	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	105	100	205	26-10-25
121	Bui Nguyen Quoc	Anh	01-09-07	2551040001	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	115	90	205	26-10-25
122	Bui Thi Phuong	Anh	19-01-07	2551050003	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	125	85	210	26-10-25
123	Pham Hong	Anh	20-08-07	2551050007	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	105	105	210	26-10-25
124	Lai Tuan	Tu	02-11-07	2551050087	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	80	130	210	26-10-25
125	Tran The	Lam	24-12-07	2551050050	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	115	95	210	26-10-25
126	Do Quang	Minh	22-11-07	2556010032	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	125	85	210	26-10-25
127	Tran Viet	Trung	10-11-07	2556010478	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	100	110	210	26-10-25
128	Chu Viet	An	26-05-07	2551050001	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	100	115	215	26-10-25
129	Pham Hung	Dung	18-07-07	2551040009	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	135	80	215	26-10-25
130	Bui Duc	Nam	06-07-07	2551040031	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	125	90	215	26-10-25
131	Tran Luu Quynh	Anh	23-08-07	2551050009	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	120	100	220	26-10-25
132	Luu Gia	Bao	02-06-07	2554010003	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	115	105	220	26-10-25
133	Dao Thuy	Linh	03-12-07	2551060017	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	115	105	220	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

Handwritten signature

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
134	Trieu Thi Bao	Linh	12-09-07	2551060018	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	155	65	220	26-10-25
135	Ta Huu	Tai	03-06-07	2551060025	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	115	105	220	26-10-25
136	Tran Kim	Manh	22-08-07	2556010031	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	135	85	220	26-10-25
137	Nguyen Quang	Sang	20-10-07	2556010040	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	105	115	220	26-10-25
138	Pham Hong	Thai	11-07-07	2551040041	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	115	105	220	26-10-25
139	Nguyen Hoang	Long	27-12-07	2551050052	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	135	90	225	26-10-25
140	Pham Le Diem	Quynh	20-09-03	2551050068	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	115	110	225	26-10-25
141	Nguyen Viet	The	18-08-07	2551050075	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	115	110	225	26-10-25
142	Nguyen Duc	Binh	29-11-07	2556010005	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	100	125	225	26-10-25
143	Vu Thi Thu	Hien	27-11-07	2551040014	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	115	110	225	26-10-25
144	Duong Duc	Minh	10-07-07	2551040030	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	135	90	225	26-10-25
145	Nguyen Tuan	Dung	26-10-06	2551050018	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	145	85	230	26-10-25
146	Tran Manh	Tu	25-07-07	2551060034	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	135	95	230	26-10-25
147	Nguyen Manh	Duong	21-11-07	2556010011	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	140	90	230	26-10-25
148	Dinh Tuan	Anh	16-09-07	2551040003	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	120	110	230	26-10-25
149	Hoang Vu	Duy	23-04-07	2551050019	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	105	130	235	26-10-25
150	Le Quang	Dung	30-05-07	2551050016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	150	85	235	26-10-25
151	Le Van	Hoan	23-12-07	2551050036	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	140	95	235	26-10-25
152	Nguyen Huy	Toan	18-12-07	2554010039	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	170	65	235	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

hà

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
153	Tran Van	Thang	11-07-07	2551060027	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	145	90	235	26-10-25
154	Le Tien	Dung	18-09-07	2556010009	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	130	105	235	26-10-25
155	Nguyen Ngoc	Khai	16-10-07	2556010024	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	115	120	235	26-10-25
156	Nguyen Dinh	Toan	09-02-07	2556010044	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	100	135	235	26-10-25
157	Do Ngoc	Huy	25-03-07	2551040017	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	140	95	235	26-10-25
158	Le Hoang	Long	15-06-07	2551040026	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	120	115	235	26-10-25
159	Nguyen Le Ha	Vy	24-04-07	2551040043	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	150	85	235	26-10-25
160	Nguyen Khanh	Duy	29-11-07	2551050020	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	120	120	240	26-10-25
161	Dao Hai	Dang	08-10-07	2554010011	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	115	125	240	26-10-25
162	Nguyen Tien	Dat	22-04-07	2554010009	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	115	125	240	26-10-25
163	Vu Tuan	Nam	14-04-07	2556010033	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	165	75	240	26-10-25
164	Quyen Tan	Dung	09-11-07	2551040010	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	125	115	240	26-10-25
165	Vu Khanh	Linh	02-09-07	2551040025	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	120	120	240	26-10-25
166	Nham Cong	Phu	22-03-07	2554010033	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	135	110	245	26-10-25
167	Hoang Thi Thu	Huyen	30-05-07	2551060012	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	75	170	245	26-10-25
168	Nguyen Ngoc	Bao	20-07-07	2556010004	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	120	130	250	26-10-25
169	Phan Khanh	Linh	08-11-06	2556010028	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	150	100	250	26-10-25
170	Tran Sy	Tuong	05-11-07	2556010053	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	125	125	250	26-10-25
171	Do Hong	Quang	29-12-07	2551040037	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	125	125	250	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Đen

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
172	Vu Thao Vy	28-02-05	2551050090	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	125	130	255	26-10-25
173	Duong Quang Huy	20-07-07	2551040016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	135	120	255	26-10-25
174	Nguyen Thu Huyen	28-05-07	2551050040	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	140	120	260	26-10-25
175	Ta Quynh Anh	10-07-07	2551040006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	135	125	260	26-10-25
176	Ta Bao Phuong Ly	26-04-07	2551040028	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	175	85	260	26-10-25
177	Nguyen Nghiem Minh Hieu	05-02-07	2551050033	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	150	115	265	26-10-25
178	Vo Anh Tuan	11-12-07	2554010045	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	170	95	265	26-10-25
179	To Minh Binh	22-07-07	2556010006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	160	105	265	26-10-25
180	Pham Quang Vinh	04-07-07	2556010057	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	145	120	265	26-10-25
181	Nguyen Minh Hieu	15-09-07	2551050031	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	185	85	270	26-10-25
182	Pham Gia Bao	24-03-07	2551050012	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	130	140	270	26-10-25
183	Nguyen Hoang Dung	02-02-07	2554010006	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	185	85	270	26-10-25
184	Pham Hai Dang	22-01-07	2551050024	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	150	125	275	26-10-25
185	Nguyen Nhat Kha	28-12-07	2551060013	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	175	100	275	26-10-25
186	Nguyen Anh Tu	27-01-06	2556010050	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	175	100	275	26-10-25
187	Nguyen Hoanh Anh Tu	06-10-07	2556010051	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	145	130	275	26-10-25
188	Le Tran Anh	02-12-07	2551040004	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	160	120	280	26-10-25
189	Quach Thien Truong	24-09-07	2551050086	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D2	190	95	285	26-10-25
190	Bui Gia Bao	14-08-07	2551060007	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25M	115	170	285	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
191	Phạm Trung	Hieu	07-10-07	2556010015	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	175	110	285	26-10-25
192	Le Tien	Binh	10-11-07	2551050013	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25D1	175	115	290	26-10-25
193	To Vu Trung	Kien	03-11-07	2551040023	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25N	205	85	290	26-10-25
194	Nguyen Quang	Hung	13-08-07	2556010023	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	175	120	295	26-10-25
195	Nguyen Quoc	Truong	02-01-07	2556010048	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	175	120	295	26-10-25
196	Vu Pham Ngoc	Chau	09-11-07	2553040006	Khoa Quản lý đô thị	25DE	100	100	200	26-10-25
197	Nguyen Huong	Giang	10-01-07	2553040012	Khoa Quản lý đô thị	25DE	110	90	200	26-10-25
198	Nguyen Huu	Tuan	25-06-07	2553040048	Khoa Quản lý đô thị	25DE	110	90	200	26-10-25
199	Can Duy	Binh	22-11-07	2553010025	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	100	100	200	26-10-25
200	Tong Thi	Thu	14-11-07	2553010148	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	80	120	200	26-10-25
201	Dinh Huong	Quynh	25-02-07	2553010128	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	95	105	200	26-10-25
202	Nguyen Ha Thu	Huong	15-11-07	2553010072	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	105	95	200	26-10-25
203	Pham Thi Anh	Tuyet	29-03-07	2553010183	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	95	105	200	26-10-25
204	Nguyen Manh	Khang	01-01-07	2553010076	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	115	90	205	26-10-25
205	Nguyen Thi	Kieu	08-10-07	2553010083	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	115	90	205	26-10-25
206	Ta Hong	Nhung	29-03-07	2553010116	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	80	125	205	26-10-25
207	Tran Thi Mai	Trang	22-07-07	2551080136	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	120	85	205	26-10-25
208	Phan Thanh	Hien	14-09-04	2551080050	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	110	95	205	26-10-25
209	Pham Nhu	Tung	22-12-06	2551080152	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	135	70	205	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

John

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
210	Duong Kim	Anh	30-03-07	2556030009	Khoa Quản lý đô thị	25RM	130	75	205	26-10-25
211	Nguyen Gia	Bao	30-07-07	2556030012	Khoa Quản lý đô thị	25RM	115	90	205	26-10-25
212	Nguyen Van	Huy	09-10-07	2556030027	Khoa Quản lý đô thị	25RM	110	95	205	26-10-25
213	Ha Xuan	Duy	11-06-07	2553040009	Khoa Quản lý đô thị	25DE	95	115	210	26-10-25
214	Pham Hai	Nam	19-09-07	2553010110	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	100	110	210	26-10-25
215	Khuong Quynh	Anh	26-07-07	2553010006	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	110	100	210	26-10-25
216	Hoang Thu	Phuong	07-12-07	2553010120	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	130	80	210	26-10-25
217	Ha Thu	Quynh	26-02-07	2553010129	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	120	90	210	26-10-25
218	Dinh Hai	Duc	09-02-07	2551080040	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	85	125	210	26-10-25
219	Pham Quang	Vinh	15-04-07	2551080158	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	130	80	210	26-10-25
220	Dang Quoc	Bao	07-11-07	2553030006	Khoa Quản lý đô thị	25TL	105	105	210	26-10-25
221	Bui Quang	Loc	14-12-07	2553030037	Khoa Quản lý đô thị	25TL	120	90	210	26-10-25
222	Vu Huyen	Trang	01-05-07	2553040046	Khoa Quản lý đô thị	25DE	90	125	215	26-10-25
223	Tran Thi	Doanh	27-07-07	2553020008	Khoa Quản lý đô thị	25IE	115	100	215	26-10-25
224	Nguyen Thi Thanh	Tra	01-08-07	2553020042	Khoa Quản lý đô thị	25IE	120	95	215	26-10-25
225	Vu Thanh	Tu	21-09-07	2553010179	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	120	95	215	26-10-25
226	Nguyen Hai	Dang	10-10-07	2553010048	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	110	105	215	26-10-25
227	Bui Quang	Khai	15-05-07	2553010075	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	145	70	215	26-10-25
228	Nguyen Phuong	Thao	14-06-07	2553010141	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	105	110	215	26-10-25



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

lsm

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
229	Ta Duc	Duy	25-07-07	2551080025	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	135	80	215	26-10-25
230	Nguyen Duy	Tan	22-02-07	2551080121	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	105	110	215	26-10-25
231	Le Tien	Dung	04-07-07	2551080021	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	115	100	215	26-10-25
232	Nguyen Hai	Nam	24-09-07	2556030042	Khoa Quản lý đô thị	25RM	110	105	215	26-10-25
233	Trinh Thanh	Van	24-10-07	2556030059	Khoa Quản lý đô thị	25RM	110	105	215	26-10-25
234	Nguyen Dinh	Duy	14-11-07	2553030016	Khoa Quản lý đô thị	25TL	120	95	215	26-10-25
235	Ly Thi Hoang	Diep	30-08-07	2553020007	Khoa Quản lý đô thị	25IE	105	115	220	26-10-25
236	Hoang Thi Phuong	Anh	04-12-07	2553010005	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	115	105	220	26-10-25
237	Vu Duc	Dung	29-06-07	2553010038	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	110	110	220	26-10-25
238	Tran Minh	Duc	27-02-07	2553010054	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	140	80	220	26-10-25
239	Hoang Thi	Trang	12-11-07	2553010165	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	135	85	220	26-10-25
240	Trinh Thuy	Quynh	08-07-07	2551080117	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	120	100	220	26-10-25
241	Truong Minh	Quan	26-09-06	2556030047	Khoa Quản lý đô thị	25RM	115	105	220	26-10-25
242	Nguyen Lam Anh	Thu	20-08-07	2556030053	Khoa Quản lý đô thị	25RM	110	110	220	26-10-25
243	Ta Thanh	Mai	26-05-07	2553030040	Khoa Quản lý đô thị	25TL	135	85	220	26-10-25
244	Le Nguyen Thai	Truong	27-12-07	2553040047	Khoa Quản lý đô thị	25DE	130	95	225	26-10-25
245	Nguyen Thanh	Trung	24-12-07	2553020047	Khoa Quản lý đô thị	25IE	135	90	225	26-10-25
246	Luong Cong	Minh	04-07-07	2553010106	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	85	140	225	26-10-25
247	Nguyen Anh	Tu	19-01-07	2553010176	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	110	115	225	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Handwritten signature

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
248	Luong Van	Thang	10-01-07	2551080128	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	140	85	225	26-10-25
249	Nguyen Thi	Mai	26-01-07	2551080090	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	105	120	225	26-10-25
250	Pham Duong Phuong	Anh	14-12-07	2556030006	Khoa Quản lý đô thị	25RM	105	120	225	26-10-25
251	Nguyen Ngoc Son	Hai	28-02-07	2553030024	Khoa Quản lý đô thị	25TL	145	80	225	26-10-25
252	Pham Doan Minh	Thu	01-08-07	2553040040	Khoa Quản lý đô thị	25DE	110	120	230	26-10-25
253	Tran Thi Nhu	Quynh	20-05-07	2553010131	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	90	140	230	26-10-25
254	Nguyen Thi	Phuong	18-05-07	2553010123	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	110	120	230	26-10-25
255	Pham Doan Yen	Nhi	11-05-07	2551080104	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	135	95	230	26-10-25
256	Le Van	Hoang	12-09-07	2551080054	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	130	100	230	26-10-25
257	Hoang Mai	Thuong	03-02-07	2556030054	Khoa Quản lý đô thị	25RM	130	100	230	26-10-25
258	Le Thi Thanh	Thuy	31-05-07	2553020040	Khoa Quản lý đô thị	25IE	130	105	235	26-10-25
259	Pham Thi Minh	Anh	30-04-07	2553010015	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	105	130	235	26-10-25
260	Phan Ngoc	Anh	23-12-07	2553010021	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	90	145	235	26-10-25
261	Nguyen Hoang	Hai	23-05-07	2553010060	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	120	115	235	26-10-25
262	Hoang Thi Mai	Linh	23-10-07	2553010087	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	140	95	235	26-10-25
263	Tran Hoang Viet	Hung	15-05-07	2556030025	Khoa Quản lý đô thị	25RM	160	75	235	26-10-25
264	Vu Duc	Anh	26-02-07	2553030004	Khoa Quản lý đô thị	25TL	130	105	235	26-10-25
265	Dinh Thi	Hue	09-02-07	2553040018	Khoa Quản lý đô thị	25DE	120	120	240	26-10-25
266	Nguyen Thi Ngoc	Linh	21-10-07	2553040023	Khoa Quản lý đô thị	25DE	160	80	240	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Handwritten signature

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
267	Nguyễn Tien	Dung	14-05-07	2553010035	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	120	120	240	26-10-25
268	Duong Thi Hai	Anh	16-01-07	2553010003	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	160	80	240	26-10-25
269	Dinh Quynh	Trang	20-05-07	2553010162	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	165	75	240	26-10-25
270	Tran Dinh	Viet	28-12-07	2551080156	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	115	125	240	26-10-25
271	Nguyen Thien	Y	23-04-07	2556030061	Khoa Quản lý đô thị	25RM	145	95	240	26-10-25
272	Dao Tien	Phuc	11-05-07	2553030047	Khoa Quản lý đô thị	25TL	110	130	240	26-10-25
273	Dang Tran Hai	Yen	23-12-07	2553030062	Khoa Quản lý đô thị	25TL	140	100	240	26-10-25
274	Vi Thi Huyen	Chi	02-11-07	2553040007	Khoa Quản lý đô thị	25DE	115	130	245	26-10-25
275	Tran Bich	Diep	09-10-07	2553040008	Khoa Quản lý đô thị	25DE	120	125	245	26-10-25
276	Luong Thi	Hang	05-09-07	2553040014	Khoa Quản lý đô thị	25DE	135	110	245	26-10-25
277	Tran Doan Mai	Linh	28-06-07	2553040024	Khoa Quản lý đô thị	25DE	135	110	245	26-10-25
278	Nguyen Thi	Trang	07-01-07	2553040044	Khoa Quản lý đô thị	25DE	140	105	245	26-10-25
279	Dam Huong	Giang	01-06-07	2553020014	Khoa Quản lý đô thị	25IE	115	130	245	26-10-25
280	Vu Thanh	Huyen	20-02-07	2553020018	Khoa Quản lý đô thị	25IE	115	130	245	26-10-25
281	Tran Thu	Trang	17-03-07	2553020045	Khoa Quản lý đô thị	25IE	160	85	245	26-10-25
282	Ngo Van	Toan	12-01-07	2553010160	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	140	105	245	26-10-25
283	Le Mi Anh	Duc	12-01-07	2553010050	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	155	90	245	26-10-25
284	Doan Minh	Tram	13-12-07	2553010173	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	140	105	245	26-10-25
285	Lai Truong	Son	19-09-07	2551080119	Khoa Quản lý đô thị	25Ql2	115	130	245	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
286	Nguyen Van Hung	15-12-07	2551080060	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	120	125	245	26-10-25
287	Bui Ngoc Anh	15-10-07	2556030008	Khoa Quản lý đô thị	25RM	155	90	245	26-10-25
288	Vu Ngoc Khoi	15-01-07	2556030034	Khoa Quản lý đô thị	25RM	135	110	245	26-10-25
289	Luu Cam Ly	26-01-07	2556030039	Khoa Quản lý đô thị	25RM	110	135	245	26-10-25
290	Truong Dang Trung	06-10-07	2556030057	Khoa Quản lý đô thị	25RM	155	90	245	26-10-25
291	Mai Thanh Ngan	12-07-07	2553040026	Khoa Quản lý đô thị	25DE	130	120	250	26-10-25
292	Vu Thi Yen Nhi	12-07-07	2553040032	Khoa Quản lý đô thị	25DE	135	115	250	26-10-25
293	Hoang Ha Vy	28-11-07	2553010187	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	140	110	250	26-10-25
294	Vu Thai Duong	20-06-07	2553010044	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	155	95	250	26-10-25
295	Bui Thi Thom	03-01-07	2553010146	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	160	90	250	26-10-25
296	Pham Ngoc Quan	05-12-07	2553010126	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	145	105	250	26-10-25
297	Hoang Thu Trang	12-11-07	2553010166	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	135	115	250	26-10-25
298	Nguyen Phuong Trang	12-06-07	2556030055	Khoa Quản lý đô thị	25RM	130	120	250	26-10-25
299	Hoang Mai Anh	12-11-07	2553030001	Khoa Quản lý đô thị	25TL	120	130	250	26-10-25
300	Pham Huy Hung	06-09-07	2553040019	Khoa Quản lý đô thị	25DE	145	110	255	26-10-25
301	Nguyen Hong Ngoc	29-06-07	2553040028	Khoa Quản lý đô thị	25DE	165	90	255	26-10-25
302	Pham Thanh Thao	18-06-07	2553040036	Khoa Quản lý đô thị	25DE	180	75	255	26-10-25
303	Pham Thi Ngoc Mai	22-10-07	2553020026	Khoa Quản lý đô thị	25IE	145	110	255	26-10-25
304	Nguyen Xuan Ngoc	27-10-07	2553020031	Khoa Quản lý đô thị	25IE	170	85	255	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Handwritten signature

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
305	Trinh Thi Thuy	21-01-07	2553010152	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	155	100	255	26-10-25
306	Ha Thi Anh Duong	09-01-07	2553010042	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	155	100	255	26-10-25
307	Nguyen Hoang Duong	07-10-07	2551080028	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	130	125	255	26-10-25
308	Phung Duc Thien	19-11-07	2556030051	Khoa Quản lý đô thị	25RM	110	145	255	26-10-25
309	Nguyen Viet Dung	28-05-07	2553030015	Khoa Quản lý đô thị	25TL	130	125	255	26-10-25
310	Le Mai Nhu Quynh	18-10-07	2553040034	Khoa Quản lý đô thị	25DE	170	90	260	26-10-25
311	Nguyen Minh Tien	20-12-07	2553040041	Khoa Quản lý đô thị	25DE	165	95	260	26-10-25
312	Nguyen Ngoc Dung	22-01-07	2553010034	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	130	130	260	26-10-25
313	Do Bao Tram	17-09-07	2553010172	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	155	105	260	26-10-25
314	Vu Thi Huong	07-04-07	2553010074	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	155	105	260	26-10-25
315	Nguyen Hoang Viet	22-11-07	2553010185	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	170	90	260	26-10-25
316	Ha Thu Huyen	03-11-07	2551080065	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	155	105	260	26-10-25
317	Do Van Vu	26-05-06	2551080159	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	145	115	260	26-10-25
318	Nguyen Thuc Anh	22-12-07	2556030004	Khoa Quản lý đô thị	25RM	170	90	260	26-10-25
319	Pham Thi Van Anh	18-02-07	2553030003	Khoa Quản lý đô thị	25TL	140	120	260	26-10-25
320	Nguyen Hong Diep	29-07-07	2553030011	Khoa Quản lý đô thị	25TL	155	105	260	26-10-25
321	Luong Khanh Ly	25-01-07	2553030039	Khoa Quản lý đô thị	25TL	140	120	260	26-10-25
322	Le Thi Mai Thu	06-11-07	2553030054	Khoa Quản lý đô thị	25TL	120	140	260	26-10-25
323	Le Khoi Nguyen	05-12-07	2553040030	Khoa Quản lý đô thị	25DE	155	110	265	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

gls

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
324	Vu Minh Duc	06-04-07	2553010055	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	155	110	265	26-10-25
325	Tran Phuong Anh	29-11-07	2553010017	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	120	145	265	26-10-25
326	Nguyen Trung Kien	04-04-07	2553010080	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	155	110	265	26-10-25
327	Nguyen Thi Thu Huyen	19-11-07	2553010069	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	130	135	265	26-10-25
328	Dang Thi Phuong Thuy	20-12-07	2553010150	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	145	120	265	26-10-25
329	Nguyen Thanh Hai	17-04-07	2551080046	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	140	125	265	26-10-25
330	Bui Gia Huy	15-08-07	2551080061	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	165	100	265	26-10-25
331	Nguyen Viet Hung	04-05-07	2551080066	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	170	95	265	26-10-25
332	Dong Thi Huong Giang	13-01-07	2556030019	Khoa Quản lý đô thị	25RM	170	95	265	26-10-25
333	Nguyen Quoc Khanh	08-01-07	2556030033	Khoa Quản lý đô thị	25RM	160	105	265	26-10-25
334	Vu Tien Dat	13-05-07	2553040011	Khoa Quản lý đô thị	25DE	160	110	270	26-10-25
335	Bui Le Quang Minh	08-12-07	2553010101	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	180	90	270	26-10-25
336	Duong Thi Tra My	25-01-07	2551080096	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	180	90	270	26-10-25
337	Nguyen Danh Thai	14-06-07	2553030052	Khoa Quản lý đô thị	25TL	145	125	270	26-10-25
338	Dang Thi Anh Duyen	09-10-07	2553040010	Khoa Quản lý đô thị	25DE	145	130	275	26-10-25
339	Pham Thuc Nhi	21-02-07	2553040031	Khoa Quản lý đô thị	25DE	160	115	275	26-10-25
340	Tran Gia Thien	27-04-07	2553040037	Khoa Quản lý đô thị	25DE	160	115	275	26-10-25
341	Ha Thu Trang	10-08-07	2553040043	Khoa Quản lý đô thị	25DE	155	120	275	26-10-25
342	Le Xuan Truong	26-03-07	2553020048	Khoa Quản lý đô thị	25IE	180	95	275	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

lenz

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
343	Vu Thị Hai	Yen	27-02-07	2553010188	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	160	115	275	26-10-25
344	Nguyen Van	Anh	19-05-07	2553010012	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	185	90	275	26-10-25
345	Pham Thi Ngoc	Hue	12-01-07	2553010066	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	135	140	275	26-10-25
346	Doan Thi	Thu	05-02-07	2553010147	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	170	105	275	26-10-25
347	Quach Thi Khanh	Ly	17-08-07	2551080087	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	160	115	275	26-10-25
348	Pham Thi	Tuyet	21-09-07	2553030058	Khoa Quản lý đô thị	25TL	145	130	275	26-10-25
349	Tran Thu	Uyen	06-06-07	2553040050	Khoa Quản lý đô thị	25DE	145	135	280	26-10-25
350	Hoang Thi Lan	Anh	19-12-07	2553010004	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	155	125	280	26-10-25
351	Nguyen Thi Thanh	Huong	01-03-07	2553010073	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	120	160	280	26-10-25
352	Nguyen Thi Huyen	Trang	17-11-07	2553010169	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	170	110	280	26-10-25
353	Nguyen Truong	Toan	27-02-07	2553010161	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	145	135	280	26-10-25
354	Hoang Ngoc	Ha	17-10-07	2553010057	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	145	135	280	26-10-25
355	Nguyen Quang	Vinh	16-12-07	2551080157	Khoa Quản lý đô thị	25QL1	190	90	280	26-10-25
356	Bui Le	Hoang	18-12-07	2556030024	Khoa Quản lý đô thị	25RM	165	115	280	26-10-25
357	Lam Minh	Khoa	19-05-07	2553030031	Khoa Quản lý đô thị	25TL	160	120	280	26-10-25
358	Nguyen Thi Bao	Yen	24-01-07	2553040053	Khoa Quản lý đô thị	25DE	165	120	285	26-10-25
359	Nguyen Tran Ha	Anh	07-03-07	2553020004	Khoa Quản lý đô thị	25IE	145	140	285	26-10-25
360	Nguyen Quynh	Chi	13-12-07	2553020006	Khoa Quản lý đô thị	25IE	145	140	285	26-10-25
361	Doan Tuyet	Nhung	09-02-07	2553010115	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	195	90	285	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Hoang

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
362	Nguyen Thu	Thuong	01-02-07	2553010157	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	185	100	285	26-10-25
363	Nhu Quang	Minh	04-03-07	2553010108	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	205	80	285	26-10-25
364	Nguyen Manh	Hung	28-11-07	2551080059	Khoa Quản lý đô thị	25Q12	165	120	285	26-10-25
365	Doan Ngoc Son	Hai	23-10-07	2556030020	Khoa Quản lý đô thị	25RM	155	130	285	26-10-25
366	Pham Phuong	Phuong	26-06-07	2556030046	Khoa Quản lý đô thị	25RM	170	115	285	26-10-25
367	Dao Thu	Hien	16-08-07	2553040015	Khoa Quản lý đô thị	25DE	130	160	290	26-10-25
368	Le Pham Kim	Hong	11-10-07	2553010065	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	160	130	290	26-10-25
369	Tran Tan	Phat	10-09-07	2553010119	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	130	160	290	26-10-25
370	Pham Thu	An	23-03-07	2556030002	Khoa Quản lý đô thị	25RM	155	135	290	26-10-25
371	Le Gia	Bao	07-08-07	2553030007	Khoa Quản lý đô thị	25TL	180	110	290	26-10-25
372	Pham Minh	Nhat	04-05-07	2553030045	Khoa Quản lý đô thị	25TL	155	135	290	26-10-25
373	Giang Bao	Ngoc	01-02-07	2553040027	Khoa Quản lý đô thị	25DE	95	200	295	26-10-25
374	Tran Nguyen	Dam	02-07-07	2553010046	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	195	100	295	26-10-25
375	Tran The	Phat	27-09-07	2553010118	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	185	110	295	26-10-25
376	Hoang Nguyen Bao	Linh	12-07-07	2553010086	Khoa Quản lý đô thị	25KX2	170	125	295	26-10-25
377	Truong Thi Cam	Ly	27-07-07	2553010099	Khoa Quản lý đô thị	25KX3	155	140	295	26-10-25
378	Vu Ba Dan	Truong	27-10-07	2551080147	Khoa Quản lý đô thị	25QL3	170	125	295	26-10-25
379	Tran Trung	Am	12-07-07	2556030001	Khoa Quản lý đô thị	25RM	160	135	295	26-10-25
380	Duong Phuong	Linh	10-12-07	2553030036	Khoa Quản lý đô thị	25TL	160	135	295	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Ysm

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
381	Nguyen Hong	Ngoc	21-10-07	2558010115	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	115	85	200	26-10-25
382	Nguyen Quynh	Trang	04-11-07	2558010151	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	90	110	200	26-10-25
383	Nguyen Hong	Dung	19-07-07	2558010038	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	120	80	200	26-10-25
384	Nguyen Thi Minh	Phuong	06-07-07	2558010132	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	90	110	200	26-10-25
385	Tran Thi Duong	Chau	01-11-07	2558060025	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	90	110	200	26-10-25
386	Tran Bac Quynh	Huong	07-11-07	2558060009	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	115	85	200	26-10-25
387	Nguyen Thi Lan	Anh	05-02-07	2558010012	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	85	120	205	26-10-25
388	Dang Thi	Chi	22-07-07	2558030002	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	95	110	205	26-10-25
389	Nguyen Tung	Lam	08-03-06	2558030009	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	115	90	205	26-10-25
390	Tham Ha	Linh	01-08-07	2558010083	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	100	110	210	26-10-25
391	Ngo Kieu	Oanh	12-11-07	2558010128	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	120	90	210	26-10-25
392	Bui Trung	Thanh	11-02-07	2558030023	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	115	95	210	26-10-25
393	Nguyen Minh	Quan	13-07-06	2558050038	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	105	105	210	26-10-25
394	Hoang Vi	Phuong	12-01-07	2558040070	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	115	95	210	26-10-25
395	Khau Ngoc	Quynh	02-09-07	2558040072	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	125	85	210	26-10-25
396	Nguyen Thi Ha	Ngan	07-02-07	2558010108	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	120	95	215	26-10-25
397	Mai Ngoc Thao	Vy	04-08-07	2558010171	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	110	105	215	26-10-25
398	Nguyen Thi Thanh	Mai	19-03-07	2558010093	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	110	105	215	26-10-25
399	Kieu Thi Phuong	Anh	06-01-07	2558040002	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	100	115	215	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

STm

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
400	Nguyen Thi Thu	Trang	23-08-07	2558040082	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	155	60	215	26-10-25
401	Pham Thi	Ngoc	25-08-07	2558010116	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	135	85	220	26-10-25
402	Trieu Y	An	20-04-07	2558010003	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	115	105	220	26-10-25
403	Le Bich	Ngoc	07-10-07	2558010111	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	115	105	220	26-10-25
404	Nguyen Quoc	Khoai	08-06-07	2558030007	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	130	90	220	26-10-25
405	Le Khanh	Chi	03-05-07	2558050009	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	125	95	220	26-10-25
406	Bui Thi Thu	Trang	26-02-07	2558010148	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	115	110	225	26-10-25
407	Nguyen Yen	Nhi	25-07-07	2558040067	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	115	110	225	26-10-25
408	Le Trong	Huy	29-04-05	2558040028	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	115	110	225	26-10-25
409	Nguyen Thi	Nhan	24-01-07	2558040064	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	100	125	225	26-10-25
410	Le Hoang Thu	An	16-05-07	2558010002	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	135	95	230	26-10-25
411	Do Hong	Ngoc	16-05-07	2558010110	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	125	105	230	26-10-25
412	Le Thi	Thao	22-10-07	2558050041	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	130	100	230	26-10-25
413	Nguyen Thi Ha	Anh	22-08-06	2558040007	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	130	100	230	26-10-25
414	Phan Nguyet	Hang	30-03-07	2558040023	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	125	105	230	26-10-25
415	Bui Thi Thuy	Linh	22-10-07	2558040037	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	110	120	230	26-10-25
416	Nguyen Ngoc Kieu	Anh	08-10-07	2558040006	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	125	105	230	26-10-25
417	Do Minh	Ngoc	24-10-07	2558040060	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	130	100	230	26-10-25
418	Bui Thi Yen	Nhi	23-11-07	2558040066	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	145	85	230	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

HN

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
						Listening	Reading	Total	
419	Hoang Thi Phuong Anh	16-12-07	2558010007	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	155	80	235	26-10-25
420	Nguyen Huong Nhi	01-08-07	2558010122	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	110	125	235	26-10-25
421	Tran Phuong Thao	06-03-07	2558010142	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	155	85	240	26-10-25
422	Nguyen Ngoc Vu	23-11-07	2558010169	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	135	105	240	26-10-25
423	Nguyen Viet Anh	03-12-07	2558010014	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	155	85	240	26-10-25
424	Nguyen Thi Hau	01-10-07	2558010049	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	150	90	240	26-10-25
425	Nguyen Tra My	27-05-07	2558040056	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	135	105	240	26-10-25
426	Tran Huong Mai	10-03-07	2558010095	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	175	70	245	26-10-25
427	Nguyen Ngoc Diep	26-11-07	2558050012	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	135	110	245	26-10-25
428	Vu Ngoc Hong Anh	08-12-07	2558040011	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	170	75	245	26-10-25
429	Pham Thuy Nhung	07-06-07	2558040069	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	120	125	245	26-10-25
430	Vu Quynh Anh	06-03-07	2558040012	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	135	110	245	26-10-25
431	Truong Nguyen Linh Chi	25-02-07	2558010034	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	155	95	250	26-10-25
432	Pham Dan Thu	02-04-07	2558010147	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	150	100	250	26-10-25
433	Nguyen Phan The Anh	31-07-07	2558060002	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	155	95	250	26-10-25
434	Nguyen Dao Phuong Linh	18-01-07	2558040045	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	145	105	250	26-10-25
435	Ly Hieu Minh Tuan	22-03-07	2558010158	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	115	140	255	26-10-25
436	Pham Thu Hien	27-07-07	2558010051	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	150	105	255	26-10-25
437	Pham Quynh Nhi	02-09-07	2558030017	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	135	120	255	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

km

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
438	Phung Nguyen Phuc	Hung	06-08-07	2558060028	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	135	120	255	26-10-25
439	Nguyen Thuy	Huong	23-11-07	2558050020	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	170	85	255	26-10-25
440	Nguyen Thanh	Thao	01-10-07	2558040074	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	130	125	255	26-10-25
441	Luong Thi Hong	May	23-08-07	2558010097	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	155	105	260	26-10-25
442	Ha Thu	Hien	17-03-07	2558010050	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	135	125	260	26-10-25
443	Pham Trung	Hieu	03-06-07	2558010054	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	130	130	260	26-10-25
444	Nguyen Thi Truc	Ly	18-04-07	2558010088	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	120	140	260	26-10-25
445	Nguyen Nhat	Kim	05-11-07	2558060010	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	155	105	260	26-10-25
446	Doan Mai Truc	Linh	09-08-07	2558060014	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	130	130	260	26-10-25
447	Le Mai	Phuong	02-08-06	2558060020	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	145	115	260	26-10-25
448	Hoang Tu	Quyen	02-06-07	2558050040	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	150	110	260	26-10-25
449	Nguyen Thi Thien	Huong	29-05-07	2558040031	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	135	125	260	26-10-25
450	Vu Dang	Nhat	12-04-07	2558040065	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	135	125	260	26-10-25
451	Nguyen Thanh	Ngoc	14-09-07	2558040062	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	150	110	260	26-10-25
452	Tran Ngoc	Yen	27-02-07	2558040090	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	135	125	260	26-10-25
453	Nguyen Minh	Chau	24-05-07	2558010028	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	165	100	265	26-10-25
454	Nguyen Ngoc	Anh	16-10-06	2558050005	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	150	115	265	26-10-25
455	Nguyen Hoang	Hai	01-08-07	2558050014	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	155	110	265	26-10-25
456	Nguyen Thi Hai	Yen	14-08-07	2558040089	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	170	95	265	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

Handwritten signature



(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
457	Nguyễn Thi Ngọc	Cham	24-12-07	2558040014	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	155	110	265	26-10-25
458	Dau Thi Thien	Huong	21-04-06	2558010064	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH1	150	120	270	26-10-25
459	Nguyễn Trong	Tan	07-02-07	2558030022	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	175	95	270	26-10-25
460	Nguyễn Thi	Hoa	06-08-06	2558040026	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	150	125	275	26-10-25
461	Tran Que	Lan	11-06-07	2558040036	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	135	140	275	26-10-25
462	Tran Thi Hai	Yen	03-07-07	2558010177	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	170	110	280	26-10-25
463	Le Thuy	Trang	19-12-07	2558010149	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	115	165	280	26-10-25
464	Vu Ngoc	Anh	27-10-07	2558060003	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	130	150	280	26-10-25
465	Trinh Quynh	Chi	31-12-07	2558060026	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	120	160	280	26-10-25
466	Nguyễn Minh Viet	Nga	09-07-07	2558050030	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	120	160	280	26-10-25
467	Tran Thu	Ngoc	20-11-07	2558040063	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	155	125	280	26-10-25
468	Nguyễn Huyen	Trang	09-09-07	2558040081	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	155	125	280	26-10-25
469	Tran Thi Thanh	Hien	24-10-07	2558040024	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	145	135	280	26-10-25
470	Do Thi Hong	Hanh	30-05-07	2558010047	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	190	95	285	26-10-25
471	Pham Minh	Tam	26-07-07	2558010135	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	175	110	285	26-10-25
472	Do Thi Ngoc	Anh	23-05-07	2558010020	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	135	150	285	26-10-25
473	Pham Mai	Anh	05-09-07	2558010015	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	155	130	285	26-10-25
474	Bui Tien	Duc	07-12-07	2558010042	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH4	190	95	285	26-10-25
475	Vu Mai	Chi	19-11-07	2558030003	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	165	120	285	26-10-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

gcm

(Kèm theo Quyết định số: 729 /QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 1)
							Listening	Reading	Total	
476	Ngo Thị Thanh	Hien	21-05-07	2558030029	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DK	175	110	285	26-10-25
477	Dinh Thi Thu	Trang	15-11-07	2558060022	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	125	160	285	26-10-25
478	Ngo Phuong	Thuy	13-05-07	2558050042	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	175	110	285	26-10-25
479	Le Thuy	Linh	22-12-07	2558040043	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	150	135	285	26-10-25
480	Tran Khanh	Ly	09-05-07	2558040050	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	155	130	285	26-10-25
481	Tran Thi Hong	Ngat	01-04-07	2558040058	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT2	170	115	285	26-10-25
482	Tran Le Quynh	Anh	12-03-07	2558040009	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	165	125	290	26-10-25
483	Bui Thi Thanh	Hoa	03-07-07	2558010056	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH2	165	130	295	26-10-25
484	Luong Gia	Khanh	19-11-07	2558010066	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	165	130	295	26-10-25
485	Do Thi Quynh	Tram	28-12-06	2558010156	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25DH3	170	125	295	26-10-25
486	Dang Thuy	Linh	26-10-07	2558060013	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25MDT	135	160	295	26-10-25
487	Nguyen Thi Nhu	Ngoc	03-10-07	2558040061	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25TT1	170	125	295	26-10-25

(Danh sách gồm 487 sinh viên)

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
1	Trần Hải Anh	20-09-07	2555030005	Khoa Công nghệ thông tin	25CNG	150	105	255	23-11-25
2	Vu Phuong Thao	07-06-07	2555020083	Khoa Công nghệ thông tin	25CDP1	160	110	270	23-11-25
3	Nguyen Phuc Nguyen	25-12-07	2551010281	Khoa Kiến trúc	25K1	100	100	200	23-11-25
4	Ngo Van Thai	06-10-07	2551010336	Khoa Kiến trúc	25K2	115	85	200	23-11-25
5	Nguyen Ngoc Tung	26-04-07	2551010399	Khoa Kiến trúc	25K3	125	75	200	23-11-25
6	Nguyen Tan Dan	31-12-06	2551010074	Khoa Kiến trúc	25K4	125	75	200	23-11-25
7	Dinh Duc Tien	12-10-07	2551010364	Khoa Kiến trúc	25K4	120	80	200	23-11-25
8	Nguyen Thanh Trung	08-08-06	2551010384	Khoa Kiến trúc	25K6	105	95	200	23-11-25
9	Nguyen Van Hoang Giang	10-10-07	2551010121	Khoa Kiến trúc	25K1	120	85	205	23-11-25
10	Nguyen Van Luc	24-12-07	2551010230	Khoa Kiến trúc	25K2	105	100	205	23-11-25
11	Nguyen Ngoc Quynh Anh	27-11-07	2551010025	Khoa Kiến trúc	25K3	120	85	205	23-11-25
12	Nguyen Ngoc Thai	16-11-07	2551010338	Khoa Kiến trúc	25K5	115	90	205	23-11-25
13	Tran Duc Phat	22-12-07	2551010299	Khoa Kiến trúc	25K3	115	95	210	23-11-25
14	Nguyen Van Trung	14-01-07	2551010385	Khoa Kiến trúc	25K5	115	95	210	23-11-25
15	Nguyen Tung Duong	12-01-07	2551010094	Khoa Kiến trúc	25K5	105	105	210	23-11-25
16	Vu Thu Ngan	25-09-07	2551010267	Khoa Kiến trúc	25K+	105	110	215	23-11-25
17	Nguyen The Anh	28-03-07	2551010030	Khoa Kiến trúc	25K1	145	70	215	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
18	Nguyễn Đình Huy	Toan	15-01-07	2551010368	Khoa Kiến trúc	25K1	105	110	215	23-11-25
19	Phạm Gia	Huy	24-10-07	2551010163	Khoa Kiến trúc	25K2	140	75	215	23-11-25
20	Nguyễn Ke	Viet	15-11-07	2551010409	Khoa Kiến trúc	25K3	120	95	215	23-11-25
21	Nguyễn Văn	Nam	21-07-07	2551010258	Khoa Kiến trúc	25K4	125	90	215	23-11-25
22	Đào Mỹ	Duyen	22-08-07	2551010088	Khoa Kiến trúc	25K5	110	105	215	23-11-25
23	Nguyễn Tuấn	Cuong	27-03-07	2551010072	Khoa Kiến trúc	25K5	120	95	215	23-11-25
24	Phạm Huy	Vuong	05-05-07	2551010417	Khoa Kiến trúc	25K6	150	65	215	23-11-25
25	Bùi Phương	Mai	06-08-07	2551010232	Khoa Kiến trúc	25K3	125	95	220	23-11-25
26	Lê Khanh	Bang	28-12-05	2551010059	Khoa Kiến trúc	25K3	115	105	220	23-11-25
27	Nguyễn Xuân	Tuan	29-01-07	2551010396	Khoa Kiến trúc	25K3	115	105	220	23-11-25
28	Chu Đức	Huy	08-01-07	2551010158	Khoa Kiến trúc	25K4	145	75	220	23-11-25
29	Đào Mỹ	Duyen	03-12-07	2551010089	Khoa Kiến trúc	25K6	125	95	220	23-11-25
30	Nguyễn Duy	Loi	10-08-07	2551010228	Khoa Kiến trúc	25K6	135	85	220	23-11-25
31	Đào Đức	Phat	18-12-07	2551010297	Khoa Kiến trúc	25K+	120	105	225	23-11-25
32	Lê Đức	Trong	14-07-07	2551010382	Khoa Kiến trúc	25K+	140	85	225	23-11-25
33	Đường Yến	Nhi	08-03-07	2551010288	Khoa Kiến trúc	25K4	125	100	225	23-11-25
34	Nguyễn Hà	Trang	09-07-06	2551010372	Khoa Kiến trúc	25K5	140	85	225	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
35	Nguyen Van Quyen	02-10-07	2551010320	Khoa Kiến trúc	25K5	140	85	225	23-11-25
36	Hoang Hai Dang	02-01-07	2551010113	Khoa Kiến trúc	25K6	120	105	225	23-11-25
37	Nguyen Thanh Long	20-02-07	2551010224	Khoa Kiến trúc	25K6	150	75	225	23-11-25
38	Luu Hoang Hai	12-02-07	2551010125	Khoa Kiến trúc	25K2	120	110	230	23-11-25
39	Nguyen Thi Cam Tu	23-07-06	2551010391	Khoa Kiến trúc	25K3	145	85	230	23-11-25
40	Nguyen Quoc Bao	07-07-07	2551010054	Khoa Kiến trúc	25K3	125	105	230	23-11-25
41	Nguyen Tien Hung	27-10-07	2551010173	Khoa Kiến trúc	25K5	135	95	230	23-11-25
42	Le Minh Hieu	21-05-07	2551010138	Khoa Kiến trúc	25K+	145	90	235	23-11-25
43	Phung Van Tung	25-01-07	2551010400	Khoa Kiến trúc	25K1	150	85	235	23-11-25
44	Trinh Ngoc Anh	21-12-07	2551010047	Khoa Kiến trúc	25K1	145	90	235	23-11-25
45	Nguyen Manh Thang	27-05-07	2551010349	Khoa Kiến trúc	25K2	150	85	235	23-11-25
46	Nguyen Dang Loc	04-08-07	2551010226	Khoa Kiến trúc	25K3	125	110	235	23-11-25
47	Nguyen Thi Thanh Trang	22-02-07	2551010373	Khoa Kiến trúc	25K5	115	120	235	23-11-25
48	Ngo Trong Dat	23-11-06	2551010102	Khoa Kiến trúc	25K5	135	100	235	23-11-25
49	Le Huy Du	26-08-07	2551010076	Khoa Kiến trúc	25K6	135	100	235	23-11-25
50	Nguyen Huu Khoa	28-04-07	2551010193	Khoa Kiến trúc	25K6	150	85	235	23-11-25
51	Hoang Anh Duc	31-03-07	2551010115	Khoa Kiến trúc	25K1	140	100	240	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

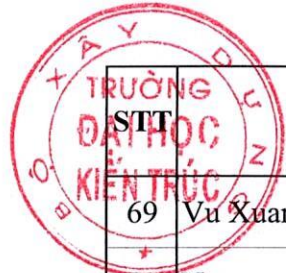
(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
52	Le Nhật Anh	08-07-07	2551010015	Khoa Kiến trúc	25K2	150	90	240	23-11-25
53	Hoang Manh Hung	04-06-07	2551010154	Khoa Kiến trúc	25K6	160	80	240	23-11-25
54	Nguyen Huu Duong	12-12-07	2551010093	Khoa Kiến trúc	25K6	125	115	240	23-11-25
55	Phung Thi Thuy	25-04-07	2551010358	Khoa Kiến trúc	25K6	140	100	240	23-11-25
56	Ha Phuoc Dat	05-03-07	2551010100	Khoa Kiến trúc	25K1	160	85	245	23-11-25
57	Do Thanh Dat	03-12-07	2551010099	Khoa Kiến trúc	25K1	145	100	245	23-11-25
58	Tran Duc Dat	15-04-07	2551010107	Khoa Kiến trúc	25K2	135	110	245	23-11-25
59	Bui Phuong Thao	02-09-07	2551010343	Khoa Kiến trúc	25K3	145	100	245	23-11-25
60	Tran Viet Dung	06-06-07	2551010083	Khoa Kiến trúc	25K3	135	110	245	23-11-25
61	Le Cao Hiep	26-02-07	2551010136	Khoa Kiến trúc	25K4	150	95	245	23-11-25
62	Tran Bao Khanh	20-11-07	2551010188	Khoa Kiến trúc	25K5	140	105	245	23-11-25
63	Nguyen Sang Trong	15-09-07	2551010381	Khoa Kiến trúc	25K+	170	80	250	23-11-25
64	Tran Quy Dung	21-04-07	2551010082	Khoa Kiến trúc	25K+	165	85	250	23-11-25
65	Nguyen Minh Hoa	29-04-07	2551010144	Khoa Kiến trúc	25K2	125	125	250	23-11-25
66	Vo Hung Lam	20-01-06	2551010207	Khoa Kiến trúc	25K4	165	85	250	23-11-25
67	Dang Hai Yen	22-08-06	2551010421	Khoa Kiến trúc	25K5	170	80	250	23-11-25
68	Nong Kieu Trang	07-12-07	2551010376	Khoa Kiến trúc	25K6	150	100	250	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-DT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
69	Vu Xuân	Bac	05-07-07	2551010057	Khoa Kiến trúc	25K6	145	105	250	23-11-25
70	Nguyen Phuong	Mai	13-09-07	2551010233	Khoa Kiến trúc	25K3	140	115	255	23-11-25
71	Vu Tien	Dat	21-04-07	2551010110	Khoa Kiến trúc	25K4	165	90	255	23-11-25
72	Pham Anh	Kiet	03-06-07	2551010199	Khoa Kiến trúc	25K5	140	115	255	23-11-25
73	Nguyen Van Quy	Anh	30-09-07	2551010031	Khoa Kiến trúc	25K6	135	120	255	23-11-25
74	Nguyen Tien	Dat	05-11-07	2551010103	Khoa Kiến trúc	25K1	175	85	260	23-11-25
75	Dang Nguyen Hoang	Hai	21-12-07	2551010124	Khoa Kiến trúc	25K3	115	145	260	23-11-25
76	Pham Van	Huy	05-03-07	2551010164	Khoa Kiến trúc	25K3	145	115	260	23-11-25
77	Nguyen Viet	Anh	05-08-07	2551010033	Khoa Kiến trúc	25K4	170	90	260	23-11-25
78	Pham Duc	Hiep	19-09-07	2551010137	Khoa Kiến trúc	25K5	185	75	260	23-11-25
79	Ha Quang	Huy	11-11-07	2551010159	Khoa Kiến trúc	25K6	175	85	260	23-11-25
80	Le Minh	Duc	03-01-07	2551010116	Khoa Kiến trúc	25K1	150	115	265	23-11-25
81	Vi Nguyen	Son	03-01-07	2551010333	Khoa Kiến trúc	25K2	185	80	265	23-11-25
82	Nguyen Thi Khanh	Ly	02-10-07	2551010231	Khoa Kiến trúc	25K3	145	120	265	23-11-25
83	To Nam	Khanh	19-11-07	2551010187	Khoa Kiến trúc	25K5	145	120	265	23-11-25
84	Dinh Son	Tung	04-04-07	2551010398	Khoa Kiến trúc	25K+	195	75	270	23-11-25
85	Nguyen Huu	Nam	11-11-07	2551010257	Khoa Kiến trúc	25K1	175	95	270	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
86	Le Anh	Nam	19-08-07	2551010256	Khoa Kiến trúc	25K5	150	120	270	23-11-25
87	Nguyen Dieu	Linh	07-01-07	2551010212	Khoa Kiến trúc	25K2	140	135	275	23-11-25
88	Tran Huu	Quan	24-08-07	2551010319	Khoa Kiến trúc	25K2	170	105	275	23-11-25
89	Ta Quang	Ninh	13-06-07	2551010294	Khoa Kiến trúc	25K3	190	85	275	23-11-25
90	Nguyen Quy	Quan	30-04-07	2551010318	Khoa Kiến trúc	25K4	140	135	275	23-11-25
91	Ha Phuong	Thu	08-07-07	2551010356	Khoa Kiến trúc	25K4	190	85	275	23-11-25
92	Nguyen Ngoc	Anh	02-09-07	2551010044	Khoa Kiến trúc	25K4	140	135	275	23-11-25
93	Pham Thu	Hang	04-02-07	2551010133	Khoa Kiến trúc	25K6	190	85	275	23-11-25
94	Nguyen Thi Thuy	Dung	30-08-07	2551010077	Khoa Kiến trúc	25K+	170	110	280	23-11-25
95	Nguyen Cong	Hoi	14-08-07	2551010152	Khoa Kiến trúc	25K1	195	85	280	23-11-25
96	Nguyen Mai	Huong	02-06-07	2551010177	Khoa Kiến trúc	25K3	170	110	280	23-11-25
97	Nguyen Dinh Gia	Bao	17-09-07	2551010053	Khoa Kiến trúc	25K4	120	160	280	23-11-25
98	Nguyen Doan Thanh	Cong	17-06-07	2551010068	Khoa Kiến trúc	25K5	190	90	280	23-11-25
99	Nguyen Huu	Manh	17-02-07	2551010238	Khoa Kiến trúc	25K5	115	165	280	23-11-25
100	Tran Huy	Khanh	01-09-07	2551010189	Khoa Kiến trúc	25K5	145	135	280	23-11-25
101	Le Duy	Vu	13-09-07	2551010413	Khoa Kiến trúc	25K2	175	110	285	23-11-25
102	Nguyen Anh	Duc	21-04-07	2551010118	Khoa Kiến trúc	25K2	165	120	285	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
103	Nguyen Gia	Huy	07-05-07	2551010160	Khoa Kiến trúc	25K2	165	120	285	23-11-25
104	Do Quynh	Anh	29-05-07	2551010011	Khoa Kiến trúc	25K2	175	110	285	23-11-25
105	Mac Chi	Nghiep	17-11-07	2551010270	Khoa Kiến trúc	25K6	165	120	285	23-11-25
106	Nguyen Duong Ngoc	Linh	16-09-07	2551010213	Khoa Kiến trúc	25K6	175	110	285	23-11-25
107	Nguyen Dieu	Thao	09-04-07	2551010345	Khoa Kiến trúc	25K6	165	120	285	23-11-25
108	Nguyen Van	Dai	17-08-07	2551010098	Khoa Kiến trúc	25K6	165	120	285	23-11-25
109	Le Ngoc	Phat	23-10-07	2551010298	Khoa Kiến trúc	25K+	160	130	290	23-11-25
110	Nguyen Ngoc	Dai	16-02-07	2551010097	Khoa Kiến trúc	25K1	185	105	290	23-11-25
111	Vu Hoang Gia	Bao	28-05-07	2551010056	Khoa Kiến trúc	25K2	195	95	290	23-11-25
112	Bui Tran Quang	Minh	08-09-07	2551010239	Khoa Kiến trúc	25K5	210	80	290	23-11-25
113	Vu Hoang	Nam	28-06-07	2551010261	Khoa Kiến trúc	25K5	185	105	290	23-11-25
114	Nguyen Nhu	Hai	18-06-07	2551010127	Khoa Kiến trúc	25K+	140	155	295	23-11-25
115	Tran Thanh	Nguyet	15-09-07	2551010283	Khoa Kiến trúc	25K+	170	125	295	23-11-25
116	Nguyen Xuan	Quynh	13-12-07	2551010323	Khoa Kiến trúc	25K+	175	120	295	23-11-25
117	Dao Xuan	Son	15-10-07	2251010329	Khoa Kiến trúc	25K2	175	120	295	23-11-25
118	Nguyen Ngoc	Nhat	22-08-07	2551010287	Khoa Kiến trúc	25K5	185	110	295	23-11-25
119	Nguyen Tam	Nhu	04-10-07	2551010291	Khoa Kiến trúc	25K5	215	80	295	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
120	Nguyễn Thi Anh	Tram	05-05-07	2551010379	Khoa Kiến trúc	25K5	205	90	295	23-11-25
121	Le Gia	Bao	17-11-07	2551010052	Khoa Kiến trúc	25K6	150	145	295	23-11-25
122	Tran Van Trong	Hieu	20-06-07	2556010016	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25ME	140	75	215	23-11-25
123	Nguyen Dinh Bao	Huy	30-07-07	2554010017	Khoa Kỹ thuật hạ tầng và MTĐT	25GT	180	85	265	23-11-25
124	Tran Thi Thanh	An	18-01-07	2558020003	Khoa Nội thất	25NT2	100	100	200	23-11-25
125	Le Thi Cam	Ly	14-02-07	2558020160	Khoa Nội thất	25NT3	115	85	200	23-11-25
126	Nguyen Xuan	Viet	16-12-07	2558020316	Khoa Nội thất	25NT5	125	75	200	23-11-25
127	Nguyen Trinh Hai	Tan	24-06-07	2558020242	Khoa Nội thất	25NT6	115	85	200	23-11-25
128	La Van	Quan	28-12-07	2558020229	Khoa Nội thất	25NT7	140	60	200	23-11-25
129	Trinh Huyen	Trang	12-08-07	2558020291	Khoa Nội thất	25NT1	110	95	205	23-11-25
130	Nguyen Thi Thu	Thuy	02-10-06	2558020259	Khoa Nội thất	25NT4	105	100	205	23-11-25
131	Nguyen Thi	Huong	09-11-07	2558020331	Khoa Nội thất	25NT5	95	110	205	23-11-25
132	Nguyen Do Hong	Quyen	24-11-07	2558020231	Khoa Nội thất	25NT7	110	95	205	23-11-25
133	Nguyen Ngoc	Thuan	08-10-07	2558020256	Khoa Nội thất	25NT3	115	95	210	23-11-25
134	Hoang Thi Thanh	Thuy	11-06-06	2558020258	Khoa Nội thất	25NT7	130	80	210	23-11-25
135	Ha Anh	Vu	15-09-07	2558020318	Khoa Nội thất	25NT7	115	95	210	23-11-25
136	Thai Phuong	Anh	25-11-07	2558020036	Khoa Nội thất	25NT8	110	100	210	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
137	Nguyen Van	Khoa	23-05-06	2558020126	Khoa Nội thất	25NT1	115	100	215	23-11-25
138	Bui Duy	Chien	04-03-06	2558020068	Khoa Nội thất	25NT1	100	115	215	23-11-25
139	Nguyen Tat	Giao	30-12-05	2558020330	Khoa Nội thất	25NT2	135	80	215	23-11-25
140	Nguyen Quynh	Anh	05-01-07	2558020026	Khoa Nội thất	25NT2	115	100	215	23-11-25
141	Kieu Duc Minh	Khanh	30-03-07	2558020123	Khoa Nội thất	25NT6	125	90	215	23-11-25
142	Le Phuong	Thao	26-01-07	2558020248	Khoa Nội thất	25NT7	115	100	215	23-11-25
143	Bui Huy	Hung	10-06-07	2558020102	Khoa Nội thất	25NT8	110	105	215	23-11-25
144	Duong Mai	Huong	23-02-07	2558020116	Khoa Nội thất	25NT1	140	80	220	23-11-25
145	Hoang Van	Chuong	15-03-07	2558020069	Khoa Nội thất	25NT5	105	115	220	23-11-25
146	Tran Trung	Kien	03-09-07	2558020130	Khoa Nội thất	25NT6	105	115	220	23-11-25
147	Hoang Huong	Tra	15-10-07	2558020277	Khoa Nội thất	25NT7	140	80	220	23-11-25
148	Nguyen Thi Bich	Phuong	07-02-07	2558020224	Khoa Nội thất	25NT3	125	100	225	23-11-25
149	Nguyen Nhu	Nhung	08-09-07	2558020214	Khoa Nội thất	25NT4	115	110	225	23-11-25
150	Hoang Thi Thuy	Quyen	30-05-07	2558020230	Khoa Nội thất	25NT4	125	100	225	23-11-25
151	Dinh Quang	Huy	17-06-07	2558020104	Khoa Nội thất	25NT7	145	80	225	23-11-25
152	Dao Thi Thu	Trang	06-10-07	2558020280	Khoa Nội thất	25NT7	150	75	225	23-11-25
153	Le Hai	Yen	05-11-07	2558020327	Khoa Nội thất	25NT7	160	65	225	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
154	Le Thi Bich	Hanh	25-11-07	2558020085	Khoa Nội thất	25NT7	140	85	225	23-11-25
155	Nguyen Thi Nhu	Quynh	24-06-07	2558020235	Khoa Nội thất	25NT8	120	105	225	23-11-25
156	Le Do Tam	Anh	02-11-07	2558020014	Khoa Nội thất	25NT8	140	85	225	23-11-25
157	Hoang Thuy	Hoa	16-04-07	2558020097	Khoa Nội thất	25NT1	130	100	230	23-11-25
158	Ta Thi Phuong	Linh	19-02-07	2558020154	Khoa Nội thất	25NT2	110	120	230	23-11-25
159	Nguyen Cam	Tu	21-10-07	2558020300	Khoa Nội thất	25NT4	130	100	230	23-11-25
160	Nguyen Thu	Phuong	04-09-07	2558020225	Khoa Nội thất	25NT6	160	70	230	23-11-25
161	Tran Thi Ngoc	Mai	21-12-07	2558020171	Khoa Nội thất	25NT6	120	110	230	23-11-25
162	Duong Anh	Thu	25-07-07	2558020264	Khoa Nội thất	25NT6	110	120	230	23-11-25
163	Nguyen Thuy	Hien	14-07-06	2558020094	Khoa Nội thất	25NT8	135	95	230	23-11-25
164	Luong Phu	Trong	12-03-07	2558020337	Khoa Nội thất	25NT1	115	120	235	23-11-25
165	Bach Thi Thu	Thao	07-06-07	2558020247	Khoa Nội thất	25NT2	130	105	235	23-11-25
166	Ngo Minh	Huyen	05-03-07	2558020107	Khoa Nội thất	25NT3	160	75	235	23-11-25
167	Do Thuy	Ha	18-04-07	2558020082	Khoa Nội thất	25NT6	110	125	235	23-11-25
168	Bui Thi Khanh	Linh	18-07-07	2558020135	Khoa Nội thất	25NT8	145	90	235	23-11-25
169	Nguyen Thi Thanh	Thao	18-03-07	2558020250	Khoa Nội thất	25NT2	140	100	240	23-11-25
170	Nguyen Le Bao	Chi	06-12-07	2558020065	Khoa Nội thất	25NT2	145	95	240	23-11-25



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
171	Nguyen Phuong	Anh	02-08-07	2558020024	Khoa Nội thất	25NT5	160	80	240	23-11-25
172	Nguyen Minh	Anh	10-11-07	2558020021	Khoa Nội thất	25NT5	170	70	240	23-11-25
173	Nguyen Minh	Phuong	22-05-07	2558020223	Khoa Nội thất	25NT6	160	80	240	23-11-25
174	Pham Tuyen	Nhung	08-06-07	2558020215	Khoa Nội thất	25NT6	140	100	240	23-11-25
175	Le Hai	Yen	03-10-06	2558020328	Khoa Nội thất	25NT7	140	100	240	23-11-25
176	Nguyen Thi	Nhi	29-11-07	2558020209	Khoa Nội thất	25NT1	135	110	245	23-11-25
177	Hoang Thu	Huong	26-09-06	2558020119	Khoa Nội thất	25NT2	140	105	245	23-11-25
178	Nguyen Thi	Y	11-08-07	2558020326	Khoa Nội thất	25NT4	120	125	245	23-11-25
179	Dam Ha Hai	Thuong	04-07-07	2558020271	Khoa Nội thất	25NT6	150	95	245	23-11-25
180	Duong Ha	Trang	20-03-07	2558020279	Khoa Nội thất	25NT7	155	90	245	23-11-25
181	Vu Trung	An	09-10-07	2558020004	Khoa Nội thất	25NT1	165	85	250	23-11-25
182	Dang Nhat	Minh	10-02-07	2558020176	Khoa Nội thất	25NT3	95	155	250	23-11-25
183	Luu Khanh	Hung	14-03-07	2558020112	Khoa Nội thất	25NT3	145	105	250	23-11-25
184	Nguyen Kim	Oanh	15-07-07	2558020217	Khoa Nội thất	25NT5	170	80	250	23-11-25
185	Nguyen Ha	Thu	06-02-06	2558020268	Khoa Nội thất	25NT5	155	95	250	23-11-25
186	Dang Huyen	Trang	22-10-07	2558020281	Khoa Nội thất	25NT2	165	90	255	23-11-25
187	Vu Phuong	Thao	23-03-07	2558020253	Khoa Nội thất	25NT3	155	100	255	23-11-25



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
188	Phạm Mai	Thuong	10-03-07	2558020272	Khoa Nội thất	25NT3	175	80	255	23-11-25
189	Nguyen Thi Ha	My	04-08-06	2558020182	Khoa Nội thất	25NT4	170	85	255	23-11-25
190	Luong Thi Thao	Van	15-02-07	2558020309	Khoa Nội thất	25NT4	140	115	255	23-11-25
191	Pham Manh	Thanh	09-06-07	2558020246	Khoa Nội thất	25NT4	150	110	260	23-11-25
192	Nguyen Tien	Dung	10-04-07	2558020071	Khoa Nội thất	25NT2	180	85	265	23-11-25
193	Nguyen Thi	Quynh	10-03-07	2558020236	Khoa Nội thất	25NT5	185	80	265	23-11-25
194	Do Khanh	Linh	26-07-07	2558020137	Khoa Nội thất	25NT6	160	110	270	23-11-25
195	Mai Tuong	Vy	16-08-07	2558020321	Khoa Nội thất	25NT6	135	135	270	23-11-25
196	Dao Khanh	Linh	23-11-07	2558020138	Khoa Nội thất	25NT8	135	135	270	23-11-25
197	Nguyen Quynh	Trang	02-08-07	2558020284	Khoa Nội thất	25NT5	145	130	275	23-11-25
198	Nguyen Thi Khanh	Binh	28-09-07	2558020054	Khoa Nội thất	25NT5	165	110	275	23-11-25
199	Nguyen Thi	Anh	15-02-03	2558020027	Khoa Nội thất	25NT6	160	115	275	23-11-25
200	Do Lan	Anh	12-03-07	2558020009	Khoa Nội thất	25NT3	165	115	280	23-11-25
201	Nguyen Ngoc Quynh	Chi	26-11-07	2558020067	Khoa Nội thất	25NT4	180	100	280	23-11-25
202	Nguyen Cong Anh	Minh	13-05-07	2558020177	Khoa Nội thất	25NT7	190	90	280	23-11-25
203	Bui Quynh	Anh	20-11-07	2558020006	Khoa Nội thất	25NT3	155	130	285	23-11-25
204	Nguyen Do Phuong	Minh	01-11-07	2558020178	Khoa Nội thất	25NT6	130	155	285	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TẦNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
205	Nguyen Anh	Nguyet	08-06-07	2558020203	Khoa Nội thất	25NT6	175	110	285	23-11-25
206	Ly Ngoc	Anh	29-11-06	2558020046	Khoa Nội thất	25NT8	160	125	285	23-11-25
207	Ngo Huong	Chi	05-12-07	2558020062	Khoa Nội thất	25NT8	170	115	285	23-11-25
208	Pham Thi Hong	Khuyen	26-12-06	2558020128	Khoa Nội thất	25NT3	135	155	290	23-11-25
209	Phung Thi Khanh	Ly	28-03-07	2558020163	Khoa Nội thất	25NT4	145	145	290	23-11-25
210	Phi Van	Khiem	23-09-07	2558020125	Khoa Nội thất	25NT4	170	120	290	23-11-25
211	Nguyen Thi Xuan	Mai	13-07-07	2558020169	Khoa Nội thất	25NT5	190	100	290	23-11-25
212	Tran Ngoc	Hanh	10-04-07	2558020087	Khoa Nội thất	25NT8	165	125	290	23-11-25
213	Vu Thi	Huong	14-01-07	2558020118	Khoa Nội thất	25NT4	140	155	295	23-11-25
214	Le Thuong	Huyen	05-09-07	2553030030	Khoa Quản lý đô thị	25TL	140	80	220	23-11-25
215	Vu Quy	Khuong	12-10-07	2556030035	Khoa Quản lý đô thị	25RM	120	105	225	23-11-25
216	Dang Viet	Trung	06-09-07	2551080143	Khoa Quản lý đô thị	25QL2	130	105	235	23-11-25
217	Nguyen Sy Hai	Anh	15-05-07	2553010010	Khoa Quản lý đô thị	25KX1	155	85	240	23-11-25
218	Nguyen Duc	Hieu	02-02-07	2556030023	Khoa Quản lý đô thị	25RM	180	115	295	23-11-25
219	Le Manh	Quan	22-12-07	2551020094	Khoa Quy hoạch	25Q1	120	80	200	23-11-25
220	Cao Viet	Toan	01-10-07	2552010064	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	110	95	205	23-11-25
221	Nguyen Huu	Quyet	16-05-07	2551020098	Khoa Quy hoạch	25Q1	135	70	205	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-DT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
222	Phan Minh Chien	17-12-07	2551020016	Khoa Quy hoạch	25Q2	130	75	205	23-11-25
223	Dinh Thi Minh Nguyet	05-11-07	2556040039	Khoa Quy hoạch	25UD	110	95	205	23-11-25
224	Le Cong Hieu	29-07-07	2552010020	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	115	95	210	23-11-25
225	Nguyen Ngoc Khoa	14-10-07	2552010029	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	110	100	210	23-11-25
226	Do Van Anh Tu	21-10-07	2552010067	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	140	70	210	23-11-25
227	Nguyen Hoang Viet	05-12-07	2552010071	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	115	95	210	23-11-25
228	Tran Manh Cuong	29-11-07	2551020017	Khoa Quy hoạch	25Q1	110	100	210	23-11-25
229	Nguyen Ngoc Hung	18-05-07	2551020052	Khoa Quy hoạch	25Q2	100	110	210	23-11-25
230	Dam Duc Phong	05-04-07	2556040043	Khoa Quy hoạch	25UD	145	65	210	23-11-25
231	Hoang Thanh Tung	10-05-07	2552010069	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	130	85	215	23-11-25
232	Le Anh Thu	03-03-07	2551020112	Khoa Quy hoạch	25Q1	85	130	215	23-11-25
233	Nguyen Chi Vi	22-02-07	2551020128	Khoa Quy hoạch	25Q1	130	90	220	23-11-25
234	Nguyen Ngoc Linh	19-01-07	2551020066	Khoa Quy hoạch	25Q2	80	140	220	23-11-25
235	Nguyen Xuan Long	22-08-07	2552010037	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	120	105	225	23-11-25
236	Tran Minh Dang	04-09-07	2552010014	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	140	85	225	23-11-25
237	Khieu Quang Vinh	18-05-07	2551020129	Khoa Quy hoạch	25Q2	115	110	225	23-11-25
238	Pham Thi Thanh Ngan	05-08-07	2551020083	Khoa Quy hoạch	25Q2	145	80	225	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
239	Vuong Van	Phi	30-01-06	2551020089	Khoa Quy hoạch	25Q2	155	70	225	23-11-25
240	Nguyen Van	Dat	15-05-07	2551020028	Khoa Quy hoạch	25Q2	110	115	225	23-11-25
241	Duong Thanh	Nam	17-03-07	2556040033	Khoa Quy hoạch	25UD	135	90	225	23-11-25
242	To Ngoc	Trang	22-10-07	2556040050	Khoa Quy hoạch	25UD	135	90	225	23-11-25
243	Bui Duy	Manh	05-11-07	2552010039	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	140	90	230	23-11-25
244	Pham Tuyet	Trinh	19-12-07	2552010065	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	140	90	230	23-11-25
245	Dang Kim	Ngan	23-07-07	2551020080	Khoa Quy hoạch	25Q1	110	120	230	23-11-25
246	Pham Minh	Tu	10-07-07	2551020120	Khoa Quy hoạch	25Q1	140	90	230	23-11-25
247	Nguyen Tung	Duong	20-11-07	2551020024	Khoa Quy hoạch	25Q2	145	85	230	23-11-25
248	Pham Thi Van	Trang	30-10-07	2551020115	Khoa Quy hoạch	25Q2	120	110	230	23-11-25
249	Dang Hoang	Phuc	25-09-07	2552010056	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	165	70	235	23-11-25
250	Le Van	Minh	10-07-07	2552010041	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	115	120	235	23-11-25
251	Pham Van	Quyet	04-07-07	2551020099	Khoa Quy hoạch	25Q2	140	95	235	23-11-25
252	Tran Manh	Tu	03-08-07	2551020121	Khoa Quy hoạch	25Q2	165	70	235	23-11-25
253	Nguyen Thanh	Cong	08-11-07	2552010009	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	115	125	240	23-11-25
254	Ninh Van	Truong	01-05-07	2552010066	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	140	100	240	23-11-25
255	Nguyen Khanh	Linh	18-05-07	2551020065	Khoa Quy hoạch	25Q1	55	185	240	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
256	Ngo Thu	Giang	14-04-06	2552010016	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	155	90	245	23-11-25
257	Nguyen Thi Bao	Yen	26-05-07	2551020133	Khoa Quy hoạch	25Q2	115	130	245	23-11-25
258	Nguyen Phuong	Ngoc	16-12-07	2551020085	Khoa Quy hoạch	25Q2	130	115	245	23-11-25
259	Mai Huy	Phong	01-10-07	2551020091	Khoa Quy hoạch	25Q2	130	115	245	23-11-25
260	Do Huyen	Trang	24-08-07	2551020114	Khoa Quy hoạch	25Q1	160	90	250	23-11-25
261	Nguyen Pham Thuy	Linh	10-12-07	2551020067	Khoa Quy hoạch	25Q1	110	140	250	23-11-25
262	Trinh Long	Bien	11-11-07	2551020014	Khoa Quy hoạch	25Q2	165	85	250	23-11-25
263	Nguyen Hoc	Du	01-05-07	2551020018	Khoa Quy hoạch	25Q2	160	90	250	23-11-25
264	Vo Thi Huyen	Trang	03-11-07	2556040051	Khoa Quy hoạch	25UD	145	105	250	23-11-25
265	Nguyen Thi Minh	Anh	07-12-05	2556040007	Khoa Quy hoạch	25UD	140	110	250	23-11-25
266	Pham Thi Minh	Tuyet	25-09-07	2556040052	Khoa Quy hoạch	25UD	180	70	250	23-11-25
267	Duong Viet	Hung	13-11-07	2552010021	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	105	150	255	23-11-25
268	Nguyen Kha	Tuan	22-01-07	2551020122	Khoa Quy hoạch	25Q1	160	95	255	23-11-25
269	Tong Dang	Duong	17-08-07	2551020025	Khoa Quy hoạch	25Q1	180	75	255	23-11-25
270	Nguyen Viet	Hung	30-07-07	2551020045	Khoa Quy hoạch	25Q1	120	135	255	23-11-25
271	Nguyen Thanh	Dat	08-01-07	2551020026	Khoa Quy hoạch	25Q2	155	100	255	23-11-25
272	Phuong Van	Hung	29-12-07	2551020046	Khoa Quy hoạch	25Q2	185	70	255	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
273	Vu Đức Kien	11-01-07	2552010030	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	130	130	260	23-11-25
274	Nguyen Vi Hien Ngoc	04-02-07	2551020086	Khoa Quy hoạch	25Q1	145	115	260	23-11-25
275	Ngo Thanh Hoan	09-04-07	2551020039	Khoa Quy hoạch	25Q1	120	140	260	23-11-25
276	Pham Duc Vinh	12-12-07	2551020131	Khoa Quy hoạch	25Q2	145	115	260	23-11-25
277	Chu Quang Nghia	23-11-07	2552010048	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	140	125	265	23-11-25
278	Vu Minh Kiet	14-02-07	2552010031	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	130	135	265	23-11-25
279	Nguyen Minh Thu	18-12-07	2551020111	Khoa Quy hoạch	25Q2	140	125	265	23-11-25
280	Nguyen Hoang Tan	14-12-07	2551020103	Khoa Quy hoạch	25Q2	180	85	265	23-11-25
281	Tran Hoang Anh	22-08-07	2551020008	Khoa Quy hoạch	25Q2	140	125	265	23-11-25
282	Le Thi Quynh	26-02-07	2556040047	Khoa Quy hoạch	25UD	145	120	265	23-11-25
283	Nguyen Quang Duong	10-06-07	2552010011	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	185	85	270	23-11-25
284	Ta Quang Dat	02-09-07	2551020029	Khoa Quy hoạch	25Q1	165	105	270	23-11-25
285	Tran Khanh Huyen	29-11-07	2556040017	Khoa Quy hoạch	25UD	165	105	270	23-11-25
286	Tran Duc Khanh	06-08-07	2556040021	Khoa Quy hoạch	25UD	160	110	270	23-11-25
287	Pham Thuy Duyen	31-08-07	2551020020	Khoa Quy hoạch	25Q2	155	120	275	23-11-25
288	Mai To Uyen	20-09-07	2551020127	Khoa Quy hoạch	25Q2	165	110	275	23-11-25
289	Nguyen Van Toan	03-03-07	2556040049	Khoa Quy hoạch	25UD	165	110	275	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-ĐHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
290	Phạm Quang	Bach	27-04-07	2552010006	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	135	145	280	23-11-25
291	Tran Duc	Minh	29-12-07	2552010044	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	170	110	280	23-11-25
292	Bui Duc	Huy	22-11-06	2551020047	Khoa Quy hoạch	25Q1	180	100	280	23-11-25
293	Nguyen Van	Dat	06-09-07	2551020027	Khoa Quy hoạch	25Q1	170	110	280	23-11-25
294	Hoang Mai Duy	Phong	17-01-07	2551020090	Khoa Quy hoạch	25Q1	190	90	280	23-11-25
295	Dao Tien	Hung	12-09-07	2552010022	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	195	90	285	23-11-25
296	Dinh Minh	Duc	04-09-07	2552010015	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	145	140	285	23-11-25
297	Nguyen Khanh Duy	Nam	24-10-07	2551020077	Khoa Quy hoạch	25Q1	205	80	285	23-11-25
298	Pham Thi Quynh	Anh	17-08-07	2551020007	Khoa Quy hoạch	25Q1	160	125	285	23-11-25
299	Vu Le Huyen	Linh	16-10-07	2556040029	Khoa Quy hoạch	25UD	165	120	285	23-11-25
300	Pham Ha	Vy	04-06-07	2552010074	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	115	175	290	23-11-25
301	Dinh Quang	Hung	20-11-05	2551020051	Khoa Quy hoạch	25Q1	160	130	290	23-11-25
302	Dao Anh	Quan	23-05-07	2551020093	Khoa Quy hoạch	25Q2	155	135	290	23-11-25
303	Vu Huong	Giang	06-09-07	2551020034	Khoa Quy hoạch	25Q2	190	100	290	23-11-25
304	Tran Thi Minh	Nguyet	16-01-07	2552010054	Khoa Quy hoạch	25KTCQ	155	140	295	23-11-25
305	Bui Van	Tuan	20-02-07	2558050046	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	145	55	200	23-11-25
306	Nguyen Hoang	Hieu	29-01-07	2558050017	Khoa Thiết kế mỹ thuật	25NTS	190	85	275	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
307	Nguyen Huu Thanh	20-06-05	2556020211	Khoa Xây dựng	25DA1	75	125	200	23-11-25
308	Pham Huy Hung	22-10-07	2556020098	Khoa Xây dựng	25DA3	135	65	200	23-11-25
309	Nguyen Van Duc	27-01-07	2556020075	Khoa Xây dựng	25DA5	125	75	200	23-11-25
310	Tran Huu Tai	18-02-07	2551090036	Khoa Xây dựng	25VL	70	130	200	23-11-25
311	Nguyen Trung Hoat	29-04-07	2551030080	Khoa Xây dựng	25X1	105	95	200	23-11-25
312	Le Dang Cuong	03-12-07	2551030028	Khoa Xây dựng	25X1	95	105	200	23-11-25
313	Pham Dang Bao	23-06-07	2551030020	Khoa Xây dựng	25X1	85	115	200	23-11-25
314	Nguyen Quynh Huong	03-11-07	2551030104	Khoa Xây dựng	25X2	125	75	200	23-11-25
315	Mai Quyen Linh	21-02-06	2551030124	Khoa Xây dựng	25X3	95	105	200	23-11-25
316	Le Manh Can	30-01-07	2556020045	Khoa Xây dựng	25DA5	105	100	205	23-11-25
317	Dam Ta Huy	21-02-07	2556020100	Khoa Xây dựng	25DA5	120	85	205	23-11-25
318	Bui Xuan Chinh	17-01-07	2551090005	Khoa Xây dựng	25VL	105	100	205	23-11-25
319	Nguyen Vuong Duy	02-01-07	2551090006	Khoa Xây dựng	25VL	135	70	205	23-11-25
320	Nguyen Khoa	03-12-07	2551090017	Khoa Xây dựng	25VL	140	65	205	23-11-25
321	Hoang Hong Hai	16-03-07	2551030066	Khoa Xây dựng	25X1	115	90	205	23-11-25
322	Le Duc Minh	26-08-07	2551030143	Khoa Xây dựng	25X1	120	85	205	23-11-25
323	Duong Dinh Khoa	02-11-07	2551030111	Khoa Xây dựng	25X2	80	125	205	23-11-25

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1 *hcm*

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
324	Trinh Ngoc	Khanh	14-12-07	2551030110	Khoa Xây dựng	25X3	110	95	205	23-11-25
325	Le Khac	Kien	13-08-07	2551070031	Khoa Xây dựng	25XN	105	100	205	23-11-25
326	Do Duc	Manh	30-06-07	2551070036	Khoa Xây dựng	25XN	120	85	205	23-11-25
327	Nguyen Thu	Trang	03-01-07	2556020232	Khoa Xây dựng	25DA2	125	85	210	23-11-25
328	Le Kim	Anh	08-09-07	2556020013	Khoa Xây dựng	25DA3	100	110	210	23-11-25
329	Ngo Duc	Cuong	19-02-07	2551030029	Khoa Xây dựng	25X1	145	65	210	23-11-25
330	Chu Duc	Anh	20-10-07	2556020007	Khoa Xây dựng	25DA2	125	90	215	23-11-25
331	Bui Anh	Ngoc	09-05-07	2556020177	Khoa Xây dựng	25DA2	110	105	215	23-11-25
332	Nguyen Huy	Hoang	06-02-07	2556020095	Khoa Xây dựng	25DA5	125	90	215	23-11-25
333	Giap Thi	Thoa	14-02-07	2556020220	Khoa Xây dựng	25DA5	110	105	215	23-11-25
334	Pham Le	Huy	12-12-07	2551030091	Khoa Xây dựng	25X+	120	95	215	23-11-25
335	Nguyen Van	Do	13-06-07	2551030049	Khoa Xây dựng	25X1	130	85	215	23-11-25
336	Vu Trung	Hieu	23-09-07	2551030076	Khoa Xây dựng	25X1	110	105	215	23-11-25
337	Dao Quang	Thang	23-05-07	2551030194	Khoa Xây dựng	25X3	105	110	215	23-11-25
338	Le Van	Thanh	24-10-07	2556020213	Khoa Xây dựng	25DA3	105	115	220	23-11-25
339	Pham Van	Phuc	19-12-07	2556020195	Khoa Xây dựng	25DA5	135	85	220	23-11-25
340	Tran Tuong	Linh	12-05-07	2556020145	Khoa Xây dựng	25DA5	105	115	220	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
341	Hoang Anh	Tuan	06-03-07	2551090042	Khoa Xây dựng	25VL	120	100	220	23-11-25
342	Khuc Thi	Nhan	06-12-07	2551030163	Khoa Xây dựng	25X+	125	95	220	23-11-25
343	Dinh Minh Anh	Khoa	02-12-07	2551030112	Khoa Xây dựng	25X1	125	95	220	23-11-25
344	Nguyen Van Hoang	Anh	09-03-07	2551030010	Khoa Xây dựng	25X2	105	115	220	23-11-25
345	Nguyen Hoang	Truong	25-07-07	2551070051	Khoa Xây dựng	25XN	140	80	220	23-11-25
346	Do Thu	Hien	01-06-07	2556020086	Khoa Xây dựng	25DA1	115	110	225	23-11-25
347	Phung Duc	Binh	17-10-07	2556020043	Khoa Xây dựng	25DA3	110	115	225	23-11-25
348	Nguyen Ngoc Phuong	Linh	28-04-07	2556020140	Khoa Xây dựng	25DA5	135	90	225	23-11-25
349	Nguyen Anh	Duc	12-09-07	2551030058	Khoa Xây dựng	25X+	100	125	225	23-11-25
350	Dau Duc	Manh	23-10-07	2551030140	Khoa Xây dựng	25X3	130	95	225	23-11-25
351	Bui Ba	Duy	12-11-07	2551070011	Khoa Xây dựng	25XN	140	85	225	23-11-25
352	Dao Khanh	An	26-10-07	2556020001	Khoa Xây dựng	25DA1	135	95	230	23-11-25
353	Nguyen Quynh	Mai	03-10-07	2556020156	Khoa Xây dựng	25DA1	100	130	230	23-11-25
354	To Van	Anh	01-06-07	2556020031	Khoa Xây dựng	25DA1	110	120	230	23-11-25
355	Vu Thi Thu	Ha	27-06-07	2556020083	Khoa Xây dựng	25DA3	160	70	230	23-11-25
356	Nguyen Thi Thien	An	26-07-07	2556020003	Khoa Xây dựng	25DA3	140	90	230	23-11-25
357	Vu Quang	Trung	16-06-07	2556020238	Khoa Xây dựng	25DA3	125	105	230	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-DT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
358	Luu Viet	Chinh	14-11-07	2556020050	Khoa Xây dựng	25DA5	135	95	230	23-11-25
359	Mai Cong Tuan	Anh	21-04-07	2556020015	Khoa Xây dựng	25DA5	105	125	230	23-11-25
360	Vu Quang	Vinh	19-10-07	2556020255	Khoa Xây dựng	25DA5	135	95	230	23-11-25
361	Tran Nguyen	Vu	16-03-07	2551090048	Khoa Xây dựng	25VL	145	85	230	23-11-25
362	Giang Nhu	Quynh	24-09-07	2551030181	Khoa Xây dựng	25X+	145	85	230	23-11-25
363	Hua Le Minh	Phung	03-02-07	2551030171	Khoa Xây dựng	25X1	135	95	230	23-11-25
364	Mai Huu	Loc	18-09-07	2551030132	Khoa Xây dựng	25X1	135	95	230	23-11-25
365	Bui Minh	Duc	31-07-07	2551030052	Khoa Xây dựng	25X2	160	70	230	23-11-25
366	Nguyen Quoc	Bao	08-12-06	2551030019	Khoa Xây dựng	25X2	130	100	230	23-11-25
367	Dang Tien	Duc	12-01-07	2551030055	Khoa Xây dựng	25X2	115	115	230	23-11-25
368	Nguyen Huy	Binh	19-04-07	2551030024	Khoa Xây dựng	25X2	145	85	230	23-11-25
369	Nguyen Phuc	Nguyen	08-02-07	2551030161	Khoa Xây dựng	25X3	115	115	230	23-11-25
370	Tran Nhat	Trung	01-05-07	2556020236	Khoa Xây dựng	25DA1	155	80	235	23-11-25
371	Hoang Thanh	Tam	23-01-07	2556020206	Khoa Xây dựng	25DA1	125	110	235	23-11-25
372	Hoang Phuong	Linh	07-12-07	2556020136	Khoa Xây dựng	25DA1	160	75	235	23-11-25
373	Dinh Thi Tuyen	Nguyen	26-07-07	2556020182	Khoa Xây dựng	25DA2	140	95	235	23-11-25
374	Nguyen Thi Phuong	Anh	24-06-07	2556020028	Khoa Xây dựng	25DA3	135	100	235	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
375	Tran Bao Phuong	Chi	09-03-07	2556020048	Khoa Xây dựng	25DA3	135	100	235	23-11-25
376	Tran Anh	Khoa	13-07-07	2556020119	Khoa Xây dựng	25DA4	130	105	235	23-11-25
377	Nguyen Minh	Duong	08-08-07	2556020065	Khoa Xây dựng	25DA5	120	115	235	23-11-25
378	Bui Thanh	Tu	06-08-07	2556020240	Khoa Xây dựng	25DA5	125	110	235	23-11-25
379	Nguyen Anh	Duc	09-08-07	2551090010	Khoa Xây dựng	25VL	135	100	235	23-11-25
380	Ly Quang	Huy	20-07-07	2551030085	Khoa Xây dựng	25X2	125	110	235	23-11-25
381	Nguyen Huy	Tuan	31-01-07	2551030215	Khoa Xây dựng	25X3	120	115	235	23-11-25
382	Nguyen Minh	Phuong	11-01-06	2551030172	Khoa Xây dựng	25X3	155	80	235	23-11-25
383	Nguyen Tien	Dat	01-10-07	2551030040	Khoa Xây dựng	25X3	130	105	235	23-11-25
384	Nguyen Manh	Hung	20-12-06	2551070024	Khoa Xây dựng	25XN	110	125	235	23-11-25
385	Nguyen Thi Khanh	Ly	28-09-07	2556020153	Khoa Xây dựng	25DA3	135	105	240	23-11-25
386	Nguyen Thi Hong	Minh	22-07-07	2556020165	Khoa Xây dựng	25DA5	130	110	240	23-11-25
387	Vu Ngoc	Anh	07-11-07	2551090004	Khoa Xây dựng	25VL	130	110	240	23-11-25
388	Doan Dinh	Vinh	31-05-07	2551090045	Khoa Xây dựng	25VL	140	100	240	23-11-25
389	Vuong Thi	Thanh	22-07-07	2551030188	Khoa Xây dựng	25X1	135	105	240	23-11-25
390	Tran Khanh	Ly	20-08-07	2551030137	Khoa Xây dựng	25X2	115	125	240	23-11-25
391	Nguyen Minh	Tien	04-07-07	2551030202	Khoa Xây dựng	25X3	170	70	240	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
392	Luong Gia Bao	30-10-07	2551030018	Khoa Xây dựng	25X3	125	115	240	23-11-25
393	Truong Khanh Linh	27-03-07	2551030126	Khoa Xây dựng	25X3	115	125	240	23-11-25
394	Vu Van Quang	26-11-07	2551070044	Khoa Xây dựng	25XN	145	95	240	23-11-25
395	Nguyen Anh Tu	10-10-07	2556020241	Khoa Xây dựng	25DA1	135	110	245	23-11-25
396	Pham Thanh Lam	09-04-07	2556020127	Khoa Xây dựng	25DA2	130	115	245	23-11-25
397	Hoang Quoc Cuong	23-01-07	2556020052	Khoa Xây dựng	25DA2	115	130	245	23-11-25
398	Nguyen Van Long	01-04-07	2556020147	Khoa Xây dựng	25DA2	145	100	245	23-11-25
399	Doan Ngoc Ha My	28-10-07	2556020168	Khoa Xây dựng	25DA3	145	100	245	23-11-25
400	Do Tien Vinh	14-05-07	2556020250	Khoa Xây dựng	25DA5	145	100	245	23-11-25
401	Do Van Tung	02-01-07	2551090043	Khoa Xây dựng	25VL	135	110	245	23-11-25
402	Pham Cong Lam	13-12-07	2551090019	Khoa Xây dựng	25VL	120	125	245	23-11-25
403	Nguyen Minh Quang	21-05-07	2551030174	Khoa Xây dựng	25X1	145	100	245	23-11-25
404	Chu Huy Thang	07-02-07	2551030193	Khoa Xây dựng	25X2	150	95	245	23-11-25
405	Ho Bui Hong Anh	02-04-07	2551030004	Khoa Xây dựng	25X2	145	100	245	23-11-25
406	Nguyen Doan Bao Nguyen	24-09-07	2551030160	Khoa Xây dựng	25X2	140	105	245	23-11-25
407	Le Nhu Khang	14-02-07	2551030106	Khoa Xây dựng	25X3	150	95	245	23-11-25
408	Dinh Duc Hieu	27-05-07	2556020091	Khoa Xây dựng	25DA1	165	85	250	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)	
						Listening	Reading	Total		
409	Kieu Thu	Lien	16-06-07	2556020131	Khoa Xây dựng	25DA1	120	130	250	23-11-25
410	Le Viet	Kien	03-10-07	2556020122	Khoa Xây dựng	25DA2	150	100	250	23-11-25
411	Ngo Hai	Nam	19-01-07	2556020172	Khoa Xây dựng	25DA2	145	105	250	23-11-25
412	Pham Quynh	Trang	08-11-07	2556020233	Khoa Xây dựng	25DA3	155	95	250	23-11-25
413	Trinh Yen	Nhi	17-01-07	2556020188	Khoa Xây dựng	25DA3	140	110	250	23-11-25
414	Phung The	Long	29-08-07	2556020148	Khoa Xây dựng	25DA3	115	135	250	23-11-25
415	Pham Van	Phu	28-05-07	2556020194	Khoa Xây dựng	25DA4	145	105	250	23-11-25
416	Do Van Nhat	Minh	16-12-07	2551030142	Khoa Xây dựng	25X+	130	120	250	23-11-25
417	Duong Duc	Thinh	05-11-07	2551030196	Khoa Xây dựng	25X1	125	125	250	23-11-25
418	Nguyen Viet	Dang	11-04-07	2551030048	Khoa Xây dựng	25X1	130	120	250	23-11-25
419	Vu Van	Duc	18-10-07	2551030063	Khoa Xây dựng	25X2	145	105	250	23-11-25
420	Vu Tri	Hieu	04-09-07	2551070016	Khoa Xây dựng	25XN	135	115	250	23-11-25
421	Luong Van	Quyet	24-09-06	2556020202	Khoa Xây dựng	25DA2	110	145	255	23-11-25
422	Nguyen Hoang	Hiep	25-11-07	2556020089	Khoa Xây dựng	25DA4	115	140	255	23-11-25
423	Nguyen Minh	Duc	10-01-07	2556020074	Khoa Xây dựng	25DA4	145	110	255	23-11-25
424	Le Anh	Thu	19-07-07	2556020225	Khoa Xây dựng	25DA5	135	120	255	23-11-25
425	Vu Gia	Huy	11-11-07	2551030095	Khoa Xây dựng	25X+	140	115	255	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)



STT	Họ và tên		Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
							Listening	Reading	Total	
426	Chu Thuy	Duong	05-06-07	2556020063	Khoa Xây dựng	25DA3	125	135	260	23-11-25
427	Nguyen Quoc	Anh	03-08-07	2556020024	Khoa Xây dựng	25DA4	170	90	260	23-11-25
428	Pham Minh	Bao	20-02-07	2551030021	Khoa Xây dựng	25X1	145	115	260	23-11-25
429	Nguyen Dinh	Long	20-08-07	2551030130	Khoa Xây dựng	25X2	175	85	260	23-11-25
430	Phung Thanh	An	26-05-07	2556020006	Khoa Xây dựng	25DA1	180	85	265	23-11-25
431	Pham Van	Manh	09-04-07	2556020157	Khoa Xây dựng	25DA2	185	80	265	23-11-25
432	Tran Thuy	Hien	09-01-07	2556020085	Khoa Xây dựng	25DA5	170	95	265	23-11-25
433	Ho Xuan	An	16-11-05	2551030001	Khoa Xây dựng	25X1	155	110	265	23-11-25
434	Dang Hoang	Manh	01-04-07	2551030139	Khoa Xây dựng	25X1	155	110	265	23-11-25
435	Tran Minh	Thuan	23-02-07	2551030199	Khoa Xây dựng	25X2	145	120	265	23-11-25
436	Hoang Ngoc	Tan	08-09-07	2556020208	Khoa Xây dựng	25DA3	175	95	270	23-11-25
437	Do Huyen	Trang	29-12-06	2551090040	Khoa Xây dựng	25VL	155	115	270	23-11-25
438	Nguyen Duc	Minh	14-07-07	2551030145	Khoa Xây dựng	25X+	185	85	270	23-11-25
439	Nguyen Binh	Minh	01-05-07	2551030144	Khoa Xây dựng	25X3	145	125	270	23-11-25
440	Nguyen Bui Duc	Anh	04-12-07	2551030007	Khoa Xây dựng	25X3	160	110	270	23-11-25
441	Duong Anh	Dung	25-12-07	2556020056	Khoa Xây dựng	25DA1	140	135	275	23-11-25
442	Tran Bao	Ngoc	22-10-07	2556020181	Khoa Xây dựng	25DA1	175	100	275	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
443	Nguyen Minh Vu	06-01-07	2556020257	Khoa Xây dựng	25DA2	125	150	275	23-11-25
444	Le Thi Kim Chi	09-10-07	2556020047	Khoa Xây dựng	25DA2	135	140	275	23-11-25
445	Nguyen Hoang Anh	23-06-07	2556020018	Khoa Xây dựng	25DA3	155	120	275	23-11-25
446	Nguyen Quoc Anh	08-10-07	2556020023	Khoa Xây dựng	25DA3	155	120	275	23-11-25
447	Nguyen Hoang Hai Anh	04-09-07	2556020019	Khoa Xây dựng	25DA4	175	100	275	23-11-25
448	Tran Gia Bao	16-06-07	2556020040	Khoa Xây dựng	25DA5	170	105	275	23-11-25
449	Luong Thi Nhu Quynh	24-05-07	2551090034	Khoa Xây dựng	25VL	135	140	275	23-11-25
450	Pham Thi Huong Giang	01-04-07	2551030064	Khoa Xây dựng	25X1	135	140	275	23-11-25
451	Nguyen Trung Hieu	08-08-07	2551030073	Khoa Xây dựng	25X2	175	100	275	23-11-25
452	Nguyen Quang Hung	27-07-07	2556020111	Khoa Xây dựng	25DA1	130	150	280	23-11-25
453	Hoang Anh Chung	20-07-07	2556020051	Khoa Xây dựng	25DA1	175	105	280	23-11-25
454	Nguyen Truong Vu	19-04-07	2556020258	Khoa Xây dựng	25DA3	180	100	280	23-11-25
455	Nguyen Pham Khoi Nguyen	12-04-07	2556020183	Khoa Xây dựng	25DA3	140	140	280	23-11-25
456	Dao Khanh Huyen	29-08-07	2556020104	Khoa Xây dựng	25DA4	180	100	280	23-11-25
457	Nguyen Khanh Linh	03-12-07	2556020139	Khoa Xây dựng	25DA4	150	130	280	23-11-25
458	Nguyen Duy Long	20-07-07	2551090023	Khoa Xây dựng	25VL	155	125	280	23-11-25
459	Nguyen Kim Duc Dat	10-10-07	2551030039	Khoa Xây dựng	25X+	160	120	280	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)	
						Listening	Reading	Total		
460	Phạm Anh	Bien	24-01-07	2551070007	Khoa Xây dựng	25XN	160	120	280	23-11-25
461	Tô Đức	Khanh	17-11-07	2551030109	Khoa Xây dựng	25X3	175	110	285	23-11-25
462	Nguyễn Thị Phương	Anh	10-06-07	2551070002	Khoa Xây dựng	25XN	160	125	285	23-11-25
463	Ha Mai	Trang	15-06-07	2556020228	Khoa Xây dựng	25DA3	195	95	290	23-11-25
464	Kieu Duc	Tan	20-10-07	2551090038	Khoa Xây dựng	25VL	215	75	290	23-11-25
465	Nguyễn Gia	Khanh	06-03-07	2551090016	Khoa Xây dựng	25VL	210	80	290	23-11-25
466	Mai Xuan	Bach	10-08-07	2551030015	Khoa Xây dựng	25X1	145	145	290	23-11-25
467	Luong Quang Duy	An	03-05-07	2551030002	Khoa Xây dựng	25X2	180	110	290	23-11-25
468	Le Manh	Thai	26-08-07	2551031087	Khoa Xây dựng	25X3	155	135	290	23-11-25
469	Tran Duy	Linh	14-04-07	2551030125	Khoa Xây dựng	25X3	160	130	290	23-11-25
470	Nguyễn Lam	Hung	12-12-07	2551070023	Khoa Xây dựng	25XN	165	125	290	23-11-25
471	Nguyễn Phạm Đức	Huy	12-01-07	2551070025	Khoa Xây dựng	25XN	170	120	290	23-11-25
472	Ngo Nhat	Anh	07-12-06	2556020037	Khoa Xây dựng	25DA2	175	120	295	23-11-25
473	Phạm Anh	Minh	14-09-07	2556020167	Khoa Xây dựng	25DA2	185	110	295	23-11-25
474	Nguyễn Hữu Bao	Minh	02-10-07	2556020162	Khoa Xây dựng	25DA2	185	110	295	23-11-25
475	Luong Minh	Duc	30-10-07	2556020073	Khoa Xây dựng	25DA3	175	120	295	23-11-25
476	Nguyễn Phú	Quang	28-10-07	2556020198	Khoa Xây dựng	25DA3	155	140	295	23-11-25

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN MIỄN HỌC, MIỄN THI
CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG PHẦN 1**

(Kèm theo Quyết định số: 729/QĐ-DHKT-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	MSV	Khoa	Lớp	ĐIỂM TOEIC			Ngày thi (Đợt 2)
						Listening	Reading	Total	
477	Nguyễn Gia Hưng	26-05-07	2556020110	Khoa Xây dựng	25DA5	145	150	295	23-11-25
478	Mai Hoang Long	08-05-07	2551090022	Khoa Xây dựng	25VL	150	145	295	23-11-25
479	Nguyen Tuan Anh	05-02-05	2551090003	Khoa Xây dựng	25VL	170	125	295	23-11-25
480	Phan Dang Tung	28-04-07	2551030217	Khoa Xây dựng	25X+	130	165	295	23-11-25
481	Ha Yen Linh	25-07-06	2551030123	Khoa Xây dựng	25X2	170	125	295	23-11-25
482	Vu Viet Anh	15-05-07	2551030013	Khoa Xây dựng	25X3	190	105	295	23-11-25
483	Pham Duc Huy	26-08-07	2551030090	Khoa Xây dựng	25X3	155	140	295	23-11-25

(Danh sách gồm 483 sinh viên)